

AULAC⁷
CORPORATION

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN | **2015**



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - 2015 - ANNUAL REPORT

AULAC⁷
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

[📍]: 159 Trương Văn Bang, P. Thạnh Mỹ Lợi,
Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
[☎]: (84-8) 6258 9922
[☎]: (84-8) 6258 9933
[✉]: aulac-asc@aulac.com.vn
[🌐]: www.aulac.com.vn

GIA TĂNG **S**ỨC MẠNH
chinh phục TÀM NHÌN



04 GIỚI THIỆU CÔNG TY



06

Thông điệp của
Chủ tịch Hội đồng
Quản trị



08

Thông tin
Cổ đông và
Cổ phần



10

Giới thiệu
Hội đồng
Quản trị



11

Giới thiệu
Ban Kiểm soát



12

Giới thiệu
Ban Tổng
Giám đốc



13

Sơ đồ
Tổ chức

14 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



16

Báo cáo của
Ban Tổng
Giám đốc



20

Báo cáo của
Ban Kiểm soát



22

Chính sách
Nguồn Nhân lực



26

Văn hóa
An toàn



28

Định hướng của
Công ty trong
năm 2016

30 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 32 Thông tin chung
- 34 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 36 Bảng cân đối kế toán
- 38 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 39 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 41 Bản thuyết minh báo cáo tài chính

KHẲNG ĐỊNH Vị thế xứng tầm Quốc tế



GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 08 Thông tin Cổ đông và cổ phần
- 10 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 11 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 12 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 13 Sơ đồ tổ chức



115,1

TỶ VNĐ

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ
TĂNG 256% SO VỚI NĂM 2014**

Lời đầu tiên, tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị cảm ơn sự đóng góp quý báu của tất cả cán bộ, nhân viên và thuyền viên trong suốt một năm qua, đã mang lại cho Công ty lợi nhuận sau thuế đạt 115,1 tỷ đồng, tăng trưởng 256% so với năm 2014.

Thành quả năm 2015 đạt được đã minh chứng cho định hướng đúng đắn: **“Nhận diện mới, xứng tầm vị thế”** mà Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ này đã đề ra và xuyên suốt giám sát thực hiện thành công hai mục tiêu chính:

» **BỔ SUNG, TRẺ HÓA VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI TÀU:** Năm 2015, với quyết tâm phát triển nhanh và bền vững, Công ty đã tích cực tìm kiếm, nỗ lực đàm phán và đầu tư thành công tàu Aulac Vision, đóng tại Hàn Quốc với giá cả hợp lý, nhanh chóng vận hành khai thác ngay sau khi nhận tàu đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

» **PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ:** Nâng cao chất lượng đội ngũ thuyền viên – nhân viên thông qua tuyển dụng, đào tạo tại Trung tâm huấn luyện đào tạo. Công ty liên tục nâng cao chất lượng quản trị hiệu quả, thông qua các chương trình đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, xây dựng Văn hóa Công ty, triển khai Văn hóa An toàn...

Thành quả này chắc chắn không thể đạt được nếu không có sự đồng hành, ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác trong và ngoài nước, cùng sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc và đặc biệt là tinh thần làm việc đầy nhiệt huyết của tập thể cán bộ nhân viên, thuyền viên Công ty.

Với nguồn nhân lực chuyên nghiệp và hệ thống quản lý hiệu quả, Công ty đang từng bước hiện thực

hóa chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh để củng cố và nâng cao vị thế của mình ngang tầm khu vực và quốc tế, giữ vững thương hiệu và chất lượng dịch vụ tốt nhất đã và đang được khách hàng trong nước và khu vực tin tưởng đánh giá cao.

Mục tiêu trong năm 2016 và trong thời gian ngắn nhất, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư phát triển đội tàu theo định hướng chất lượng và hiệu quả, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh một cách bền vững, chúng tôi quyết tâm đưa Công ty Cổ phần Âu Lạc trở thành **“Một trong những công ty tư nhân hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển”** theo đúng tầm nhìn mới của Hội đồng Quản trị đã và đang được Quý Cổ đông tin tưởng.

Một lần nữa, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ đồng hành, hỗ trợ của Quý Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác trong và ngoài nước cùng sự đóng góp nhiệt tình của toàn thể cán bộ, nhân viên và thuyền viên của Công ty Cổ phần Âu Lạc.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và Công ty Cổ phần Âu Lạc mạnh khỏe, mọi điều tốt lành.

NGÔ THU THÚY
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý đối tác, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên, thuyền viên Công ty Cổ phần Âu Lạc.

KHỎI ĐẦU CHO NHIỆM KỲ 5 NĂM (2015 - 2020) CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MỚI, CÙNG VỚI SỰ NỖ LỰC ĐÓNG GÓP HẾT MÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÙNG TẬP THỂ CÁN BỘ, NHÂN VIÊN, THUYỀN VIÊN, CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC THÀNH QUẢ RẤT ĐÁNG BIỂU DƯƠNG. NĂM 2015 LÀ NĂM ĐẦU TIÊN KỂ TỪ KHI THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN ĐẾN NAY, LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 231% SO VỚI KẾ HOẠCH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỀ RA TRONG BỐI CẢNH CÓ 4 TÀU PHẢI LÊN ĐÀ SỬA CHỮA TRUNG GIAN THEO QUY ĐỊNH.



Năm 2015, Công ty Âu Lạc đã chuyển đổi trụ sở mới 159 Trương Văn Bang, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp. HCM.

326,78

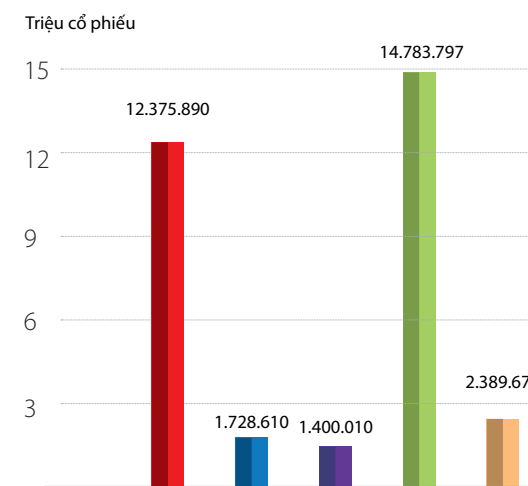
TỶ VNĐ
VỐN ĐIỀU LỆ TẠI NGÀY 31/12/2015

Tính đến ngày 31/12/2015, thông tin về vốn của Công ty như sau:

- » Vốn điều lệ của Công ty : 326.779.820.000 đồng
- » Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 326.779.820.000 đồng
- » Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 30.288.307 cổ phiếu
- » Cổ phiếu quỹ : 2.389.675 cổ phiếu
- » Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu

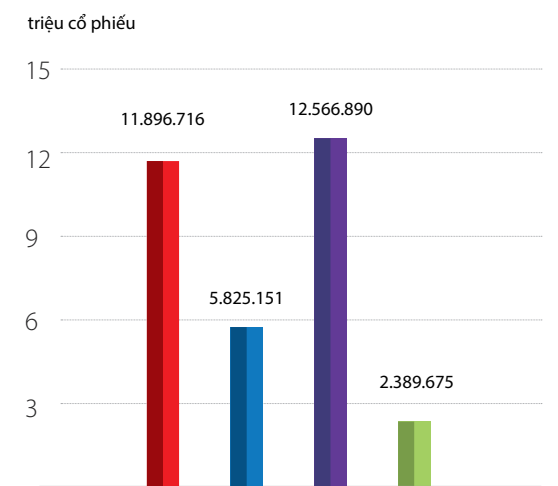
Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu đợt 2 và đợt 3 cho Trái chủ với chi tiết như sau:

- » **Đợt 2:** chuyển đổi 7.300 trái phiếu thành 730.000 cổ phiếu (tương đương 7,3 tỷ đồng) theo nghị quyết 01-2015/NQ-HĐQT.
- » **Đợt 3:** chuyển đổi 7.300 trái phiếu thành 730.000 cổ phiếu (tương đương 7,3 tỷ đồng) theo nghị quyết 05-2015/NQ-HĐQT.



Cơ cấu cổ đông lớn (cổ phiếu)

- Education Management Holdings Limited : 12.375.890
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM : 1.728.610
- CTCP Đầu tư Vận tải và Xăng dầu Sài Gòn : 1.400.010
- Các cổ đông khác : 14.783.797
- Cổ phiếu quỹ : 2.389.675



Cơ cấu cổ đông (cổ phiếu)

- Cá nhân - trong nước : 11.896.716
- Tổ chức - trong nước : 5.825.151
- Cá nhân, Tổ chức - nước ngoài : 12.566.890
- Cổ phiếu quỹ : 2.389.675



Ông **NGÔ THANH TÙNG**
Thành viên HĐQT

Bà **NGÔ THU THỦY**
Chủ tịch HĐQT

Ông **LÊ MINH QUỐC**
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông **MAI VĂN TÙNG**
Thành viên HĐQT

Ông **ĐẶNG VINH SANG**
Thành viên HĐQT



Bà **NGUYỄN ĐÌNH THỦY TIẾN**
Thành viên

Ông **HUỲNH ĐỨC TRƯỞNG**
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông **PHAN VINH KHA**
Thành viên

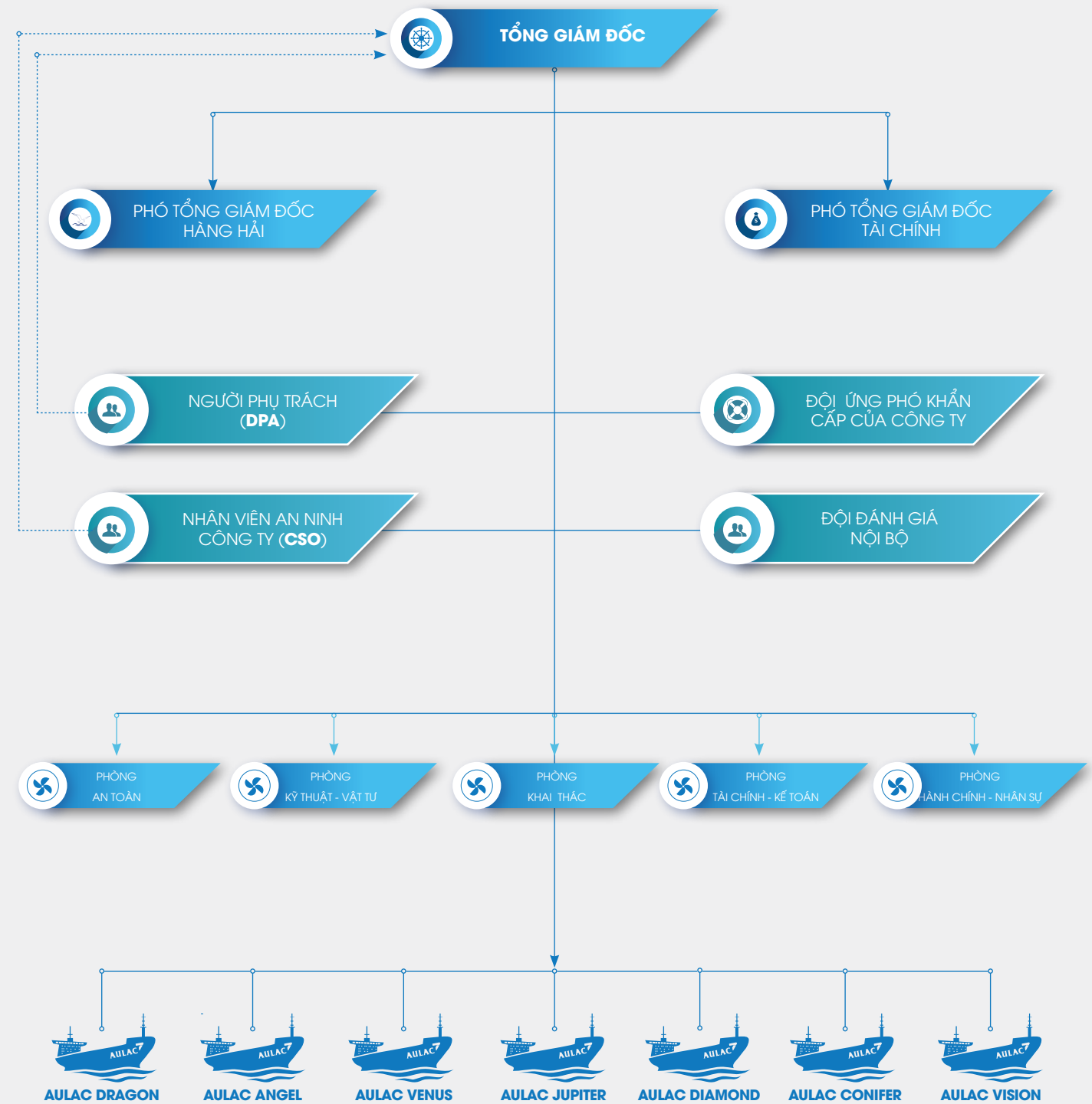
Bà **ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN**
Thành viên



Ông **LÊ HỒNG SƠN**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **MAI VĂN TÙNG**
Tổng Giám đốc

Ông **HỒ VĂN THIÊN**
Phó Tổng Giám đốc



LINH HOẠT **Vận hành
đón đầu cơ hội**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 16 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 20 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 22 Chính sách nguồn nhân lực
- 26 Văn hóa an toàn
- 28 Định hướng Công ty trong năm 2016

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI NĂM 2015



Ông MAI VĂN TÙNG - Tổng Giám đốc

695,5

TỶ VNĐ

DOANH THU HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI

DÙ PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU THÁCH THỨC TRONG BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG XĂNG DẦU NHIỀU BIẾN ĐỘNG, VỚI SỰ ĐỒNG LÒNG, QUYẾT TÂM CỦA TOÀN THỂ BAN LÃNH ĐẠO CÙNG NHÂN VIÊN, THUYỀN VIÊN, CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC VẪN ĐẠT ĐƯỢC MỘT NĂM THÀNH CÔNG RỰC RỠ VỚI NHIỀU THÀNH TỰU SAU ĐÂY:



MỞ RỘNG ĐỘI TÀU, TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

Năm bắt rõ cơ hội giá tàu giảm do ảnh hưởng của giá xăng dầu, vào tháng 9/2015, Công ty đã nhanh chóng đầu tư thành công và đưa vào khai thác hiệu quả tàu Aulac Vision, nâng tổng số đội tàu Âu Lạc lên 7 tàu. Nhờ vậy, doanh thu hoạt động vận tải tiếp tục tăng trưởng, đạt 695,5 tỷ VNĐ, tăng 11,3% so với 2014 và vượt 5,5% kế hoạch đề ra theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm

2015. Số chuyến hàng thực hiện trong năm cũng tăng từ 188 chuyến lên 207. Ngoài ra, Công ty còn tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong thị trường vận tải xăng dầu bằng chất lượng và sự chuyên nghiệp. Với sự tin tưởng từ các đối tác, số lượng khách hàng của Công ty tăng từ 34 lên 40 khách hàng trong năm 2015. Hiện nay Công ty Âu Lạc được đánh giá là một đối tác chiến lược, đáng tin cậy và đủ khả năng sánh ngang với các Công ty vận tải biển khác trong khu vực Đông Nam Á.

BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ

Trong năm qua, Công ty thực hiện lên đà trung gian cho 3 tàu trong kế hoạch là Aulac Conifer, Aulac Diamond và Aulac Venus. Ngoài ra, Aulac Vision cũng đã được thực hiện lên đà trung gian vào tháng 10 ngay sau khi nhận tàu. Với sự nỗ lực và quyết tâm của toàn Công ty, mặc dù khối lượng công việc dồn dập vào những tháng cuối năm khi phải thực hiện lên đà liên tục cho 4 tàu, thời gian lên đà vẫn được hoàn thành đúng tiến độ, đồng thời uyển chuyển khéo léo trong việc khai thác để đảm bảo thời gian vận doanh hợp lý, đạt và vượt kế hoạch doanh thu đề ra.



115,1

TỶ VNĐ

**LỢI NHUẬN KỶ LỤC KỂ TỪ KHI
THÀNH LẬP, ĐẠT 256% SO VỚI
CÙNG KỲ 2014 VÀ ĐẠT 231%
KẾ HOẠCH ĐHĐCĐ THƯỜNG
NIÊN GIAO.**

CHUYỂN ĐỔI TRỤ SỞ VĂN PHÒNG

Được sự chấp thuận của Đại hội Đồng cổ đông, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 28/09/2015, Công ty đã chuyển đổi trụ sở văn phòng từ 92 Bis Trần Quốc Toàn, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh sang trụ sở mới 159 Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện mạo mới, hiện đại của văn phòng đáp ứng môi trường làm việc chuyên nghiệp và tiêu chí phát triển của Công ty.

TĂNG TRƯỞNG KỶ LỤC VỀ LỢI NHUẬN

Với tất cả các thành tựu nêu trên, Công ty đã có được mức lợi nhuận kỷ lục kể từ khi thành lập, đạt 115,1 tỷ đồng, tương đương 256% so với cùng kỳ 2014 và đạt 231% kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên giao. Kết quả này là minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn Công ty với mục đích tăng trưởng bền vững, đem lại lợi nhuận cao nhất cho Cổ đông.

**TUY NHIÊN,
BAN TỔNG GIÁM
ĐỐC VẪN LUÔN
QUAN TÂM ĐẾN
NHỮNG KHÓ
KHĂN CÔNG
TY SẼ PHẢI ĐỐI
MẶT TRONG
NĂM 2016**

BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG XĂNG DẦU

Biến động liên tục của giá xăng dầu trên thị trường khiến cho các nhà đầu tư, kinh doanh cũng như những nhà nhập khẩu đều cân nhắc và thận trọng trong các giao dịch. Đồng thời, nhu cầu xăng dầu trong khu vực Đông Nam Á được dự báo sẽ giảm nhẹ trong năm 2016 và chỉ hồi phục vào cuối năm, điều này gây tâm lý lo lắng cho các nhà nhập khẩu xăng dầu trong khu vực, gây ảnh hưởng gián tiếp đến ngành vận tải xăng dầu.

NGUY CƠ CƯỚP BIỂN TĂNG CAO TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Năm 2015 nạn cướp biển vẫn hoành hành tại eo Malacca và các vùng biển lân cận như Malaysia, Indonesia nơi có các tuyến hàng hải thương mại sầm uất nhất thế giới, biến khu vực này trở thành nơi có nguy cơ cao đối với các tàu vận tải biển, đặc biệt là tàu dầu. Vì vậy, Công ty đã chủ động trang bị thêm các phương tiện chống cướp hiệu quả, hiện đại, tăng cường cảnh giới nhằm đảm bảo an toàn cho thuyền viên, tàu và hàng hóa. Do đó đã làm phát sinh thêm chi phí và thời gian vận doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của Công ty.

TUÂN THỦ CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ

Công ước Lao động hàng hải năm 2006 (MLC) được Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) thông qua tại Geneva, Thụy Sĩ, ngày 23 tháng 2 năm 2006 đã có hiệu lực tại Việt Nam nhằm quan tâm và nâng cao hơn chất lượng làm việc, nghỉ ngơi của thuyền viên. Các yêu cầu tối thiểu về chế độ y tế, phúc lợi, an sinh xã hội của thuyền viên được nâng cao, đòi hỏi Công ty quản lý và khai thác tàu phải tốn nhiều chi phí hơn để đáp ứng các yêu cầu của Công ước.

Trong thời gian tới, Công ước Quốc tế về Quản lý và xử lý nước dẫn (BWM Convention) sẽ sớm có hiệu lực. Tuân thủ Công ước này, Công ty sẽ phải trang bị hệ thống xử lý nước dẫn cho toàn bộ đội tàu, việc nghiên cứu, lắp đặt và duy trì hệ thống này sẽ làm tăng đáng kể chi phí cho toàn bộ đội tàu.

Với những khó khăn kể trên, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao, chiến lược phát triển đúng đắn của Hội đồng Quản trị và sự điều hành hiệu quả của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự tận tụy, nhiệt tình của toàn bộ cán bộ nhân viên, thuyền viên, Công ty Cổ phần Âu Lạc sẽ vượt qua các khó khăn và tiếp tục thành công trong năm 2016.



THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT THEO LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ẦU LẠC, BAN KIỂM SOÁT CHÚNG TÔI XIN BÁO CÁO CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 NHƯ SAU:



CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM SOÁT NĂM 2015

Trong năm qua, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động đúng quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty. Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và

phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tiến hành kiểm tra và kiểm soát các vấn đề mà Ban Kiểm soát cho là cần thiết, cụ thể:

- » kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

- » Thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty.

Ý KIẾN VÀ NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Công ty Cổ phần Ầu Lạc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo quý và năm 2015.

Hội đồng Quản trị đã có những chỉ đạo, điều hành tích cực và quyết liệt để cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Hoạt động của HĐQT, các chủ trương, nghị quyết HĐQT thực hiện đúng với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều cố gắng để hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần đem lại lợi ích cho cổ đông. Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực trên.



Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ theo đúng điều lệ của công ty và quy chế hoạt động của ban kiểm soát, cụ thể:

- » Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

- » Xem xét, kiểm tra báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2016 và báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- » Kiểm tra xem xét việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.

Thay mặt Ban Kiểm soát

HUỖNH ĐỨC TRƯỜNG
Trưởng Ban Kiểm soát



NHÂN TỔ CON NGƯỜI LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG



Nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của Âu Lạc. Công ty luôn quan tâm xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và thuyền viên chuyên nghiệp để đưa Âu Lạc phát triển bền vững.



Lãnh đạo Công ty Cổ phần Âu Lạc đi thăm tàu và thuyền viên.



311

NGƯỜI

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
CÔNG TY, THUYỀN VIÊN
CHIẾM TỶ LỆ TRỌNG YẾU
82% TẠI NGÀY 31/12/2015.

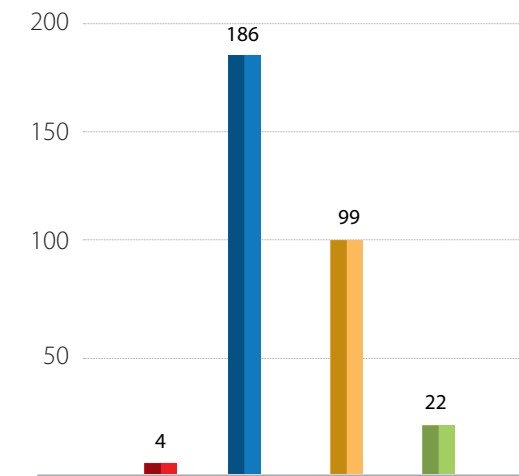


BÁO CÁO TÌNH HÌNH NGUỒN NHÂN LỰC

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng, số lượng nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mạnh mẽ của Công ty cũng như yêu cầu ngày càng cao của chuyên ngành. Các kế hoạch tuyển dụng được triển khai liên tục trong năm và đã tuyển dụng được thêm tổng cộng 92 nhân viên, thuyền viên chất lượng cao. Cùng với đó, Công ty cũng đã thực hiện nâng cấp chức danh cho 16 sỹ quan, thuyền viên, và nhiều lần tiến hành đào tạo huấn luyện các nội dung quan trọng cho nhiều sỹ quan, thuyền viên trên tàu như huấn luyện hải đồ điện tử, 26 lượt hướng dẫn huấn luyện theo nội dung của Shell, huấn luyện làm quen cho sỹ quan, thuyền viên mới, điều tra tai nạn DNV và đánh giá viên nội bộ.

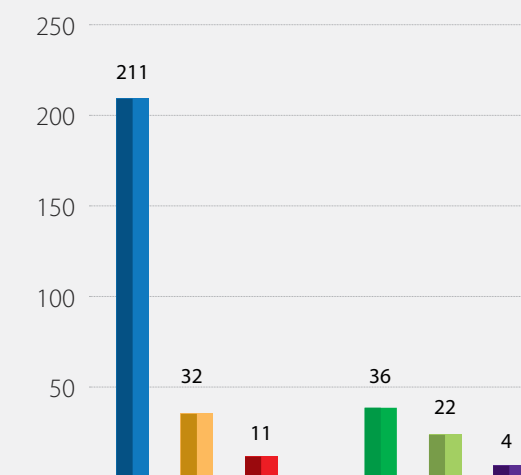
CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2015

- » Đảm bảo nguồn nhân lực để thực hiện tốt các nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Công ty, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cấp cao.
- » Tiếp tục thực hiện giao chỉ tiêu đánh giá năng lực (KPI) từ lãnh đạo Công ty đến các phòng ban, cán bộ công nhân viên để làm căn cứ đánh giá năng lực là cơ sở để bố trí, sàng lọc nhân sự phù hợp với yêu cầu, thực hiện tốt các mục tiêu của các nghị quyết Đại hội Cổ đông và Hội đồng Quản trị.



Trình độ chuyên môn:

Sau đại học	: 4
Đại học và cao đẳng	: 186
Trung cấp	: 99
Sơ cấp	: 22



Chất lượng thuyền viên

Tốt và khá	: 211
Đạt yêu cầu	: 32
Có khuyết điểm	: 11

Chất lượng thuyền viên thực tập

Tốt	: 36
Khá	: 22
Đạt yêu cầu	: 4

- » Tổ chức xây dựng và phổ biến văn hóa Công ty, Văn hóa An toàn cho toàn thể cán bộ nhân viên, thuyền viên của Công ty...
- » Ban hành các quy định trong quản lý, từng bước nâng cao hoàn chỉnh hệ thống quản lý an toàn của Công ty, đặc biệt đối với việc quản lý, điều hành nhân sự nhằm đáp ứng đòi hỏi khắt khe của chuyên ngành.

Xác định nguồn nhân lực là lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng việc thu hút nhân tài bổ sung vào đội ngũ

lãnh đạo của Công ty cũng như thu hút thuyền viên có trình độ, kiến thức và kinh nghiệm. Ngoài ra, Trung tâm Huấn luyện Đào tạo của Công ty cũng tăng cường huấn luyện đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản trị cho cán bộ, nhân viên và thuyền viên.

Chính sách về lương thưởng, các chế độ phúc lợi xã hội luôn được Công ty quan tâm và cải thiện. Từng bước hoàn thiện môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, phổ biến văn hóa công ty và văn hóa an toàn cho toàn thể cán bộ, nhân viên và thuyền viên của Công ty.



LUÔN LUÔN KHÔNG SỰ CỐ

TRỞ THÀNH CÔNG TY CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC AN TOÀN NHẤT VÀ ÁP DỤNG CÁC TIÊU CHUẨN CAO NHẤT TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

LOẠI TRỪ CÁC RỦI RO CHO CON NGƯỜI, MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI SẢN.

NHÀM MỤC ĐÍCH GIÚP CHO TOÀN BỘ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN VÀ THUYỀN VIÊN CỦA CÔNG TY NẮM VỮNG Ý NGHĨA CỦA BỘ LUẬT QUẢN LÝ AN TOÀN QUỐC TẾ (ISM) CỦA TỔ CHỨC HÀNG HẢI QUỐC TẾ (IMO) CÙNG NHU XÂY DỰNG MỘT VĂN HÓA ĐẶC TRƯNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC.

Trong năm 2015, Công ty đã triển khai và phổ biến Văn hóa An toàn, tổ chức các buổi họp, huấn luyện và tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, nhân viên, thuyền viên Công ty.

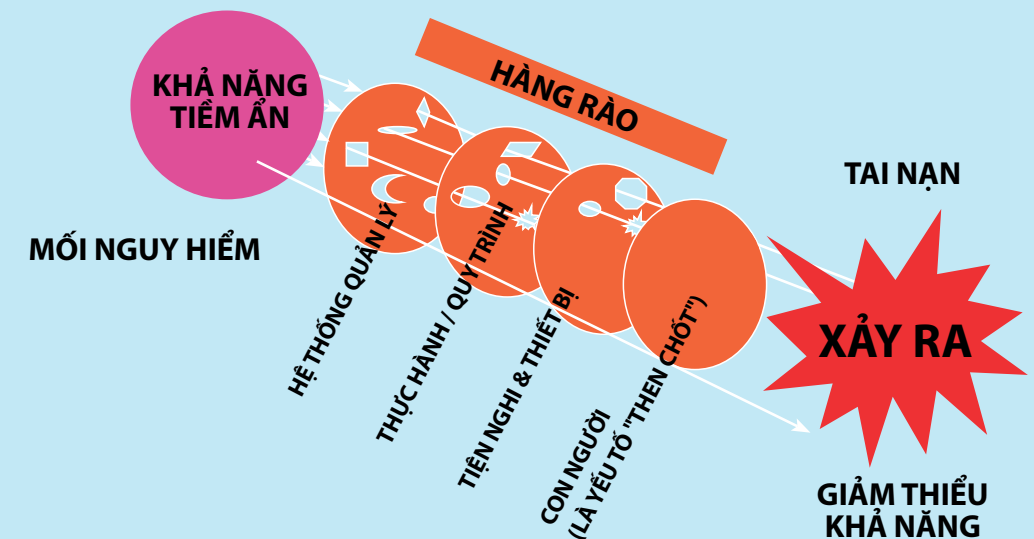
Với khẩu hiệu “**LUÔN LUÔN KHÔNG SỰ CỐ**”, Âu Lạc hướng đến tương lai trở thành Công ty có môi trường làm việc an toàn nhất và đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất trong bảo vệ môi trường, với mục tiêu loại trừ các rủi ro cho con người, môi trường và tài sản có thể xảy ra.



Tàu Aulac Diamond cứu sống 4 Thuyền viên người Indonesia bị nạn trên biển, thực hiện nhiệm vụ quốc tế về cứu hộ cứu nạn trên biển.

Công ty xây dựng nên “**Hàng rào An toàn**” như một biện pháp cần thiết để hướng đến sự An toàn trong công việc. Hàng rào An toàn bao gồm 4 tiêu chí luôn luôn được nâng cấp và hoàn thiện nhằm ngăn chặn mọi sự cố:

SỨC MẠNH CỦA HÀNG RÀO AN TOÀN



Với việc xây dựng và triển khai thành công Văn hóa An toàn trong năm 2015, Công ty thể hiện sự cam kết tiến đến mục tiêu tuyệt đối về an toàn và bảo vệ môi trường là “**Luôn Luôn Không Sự Cố**”.



Chương trình giới thiệu Sổ tay Văn hóa An toàn và An toàn PCCC tại văn phòng Công ty Âu Lạc.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2016

2-3

TÀU
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2016

Tiếp tục xây dựng và mở rộng các mối quan hệ lâu dài với các khách hàng trong và ngoài nước. Tập trung mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Thực hành tiết kiệm, sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Đảm bảo tình trạng kỹ thuật tàu tốt tránh dừng tàu sửa chữa đột xuất.

Phát triển đội tàu theo hướng ưu tiên chất lượng và hiệu quả nhằm mục đích phục vụ tốt nhu cầu của tất cả các khách hàng trong nước và khu vực. Đồng thời dần thay thế các tàu lớn tuổi bằng các tàu chất lượng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

» **Tiếp tục đầu tư** 02 đến 03 tàu trong năm 2016.

» **Nghiên cứu phương án tái cơ cấu** đội tàu theo hướng hiện đại, chất lượng và hiệu quả giai đoạn 2016 - 2020.

Hoàn thiện, nâng cao hệ thống Quản lý An toàn để đáp ứng các tiêu chuẩn và tuân thủ các công ước quốc tế về hàng hải, các nghị định, quy định mới được ban hành nhằm chuyên nghiệp hóa công tác quản trị của Công ty.

Từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp và trình độ nhân lực toàn Công ty thông qua công tác huấn luyện đào tạo và tuyển dụng. Tiếp tục thực hiện giao chỉ tiêu đánh giá năng lực (KPI) toàn bộ lãnh đạo và nhân viên Công ty.



TỪNG BƯỚC ĐA DẠNG HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG LĨNH VỰC VẬN TẢI BIỂN VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH NĂNG LƯỢNG.



TIỀM LỰC **V**ững vàng
sẵn sàng tăng tốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 32 Thông tin chung
- 34 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 36 Bảng cân đối kế toán
- 38 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 39 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 41 Bản thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải - kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan và các hoạt động khác có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 159, Đường Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà NGÔ THU THÚY	Chủ tịch	
Ông LÊ MINH QUỐC	Phó chủ tịch	<i>từ ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>
Ông MAI VĂN TÙNG	Thành viên	<i>từ ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>
Ông ĐẶNG VINH SANG	Thành viên	<i>từ ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>
Ông NGÔ THANH TÙNG	Thành viên	
Ông NGUYỄN MẠNH THẢO	Thành viên	<i>đến ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>
Bà NGUYỄN THỊ HẰNG	Thành viên	<i>đến ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>
Ông NGUYỄN THANH HỒNG	Thành viên	<i>đến ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông HUỲNH ĐỨC TRƯỜNG	Trưởng ban	
Bà NGUYỄN ĐÌNH THỦY TIÊN	Thành viên	<i>từ ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>
Bà ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN	Thành viên	<i>từ ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>
Ông PHAN VINH KHA	Thành viên	
Bà PHẠM THỊ HỒNG	Thành viên	<i>đến ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>
Bà BÙI THỊ THU THẢO	Thành viên	<i>đến ngày 8 tháng 4 năm 2015</i>

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông MAI VĂN TÙNG	Tổng Giám đốc
Ông LÊ HỒNG SƠN	Phó Tổng Giám đốc
Ông HỒ VĂN THIỆN	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Mai Văn Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- » lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Âu Lạc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 36 đến trang 63 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



HÀNG NHẬT QUANG

Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2016

PHẠM THỊ CẨM TÚ

Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2013-004-1

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		186.374.534.214	201.345.041.431
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	66.452.162.892	108.436.975.513
111	1. Tiền		17.952.162.892	14.436.975.513
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.500.000.0 00	94.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		22.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	22.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.385.468.082	48.782.056.082
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	19.959.127.468	47.250.482.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.154.317.156	1.291.477.010
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		2.420.737.069	814.453.221
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.148.713.611)	(574.356.806)
140	IV. Hàng tồn kho	7	40.527.767.866	39.826.664.479
141	1. Hàng tồn kho		40.527.767.866	39.826.664.479
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		32.009.135.374	4.299.345.357
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.088.724.376	2.247.986.517
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		29.920.410.998	2.051.358.840
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.004.868.901.981	900.757.055.894
210	I. Phải thu dài hạn		4.605.000.000	4.605.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.605.000.000	4.605.000.000
220	II. Tài sản cố định		965.783.397.517	866.715.111.557
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	965.783.397.517	866.715.111.557
222	Nguyên giá		1.592.667.525.889	1.364.256.049.835
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(626.884.128.372)	(497.540.938.278)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		83.435.669	83.435.669
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(83.435.669)	(83.435.669)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		10.716.846.739	2.136.630.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	10.716.846.739	2.136.630.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		5.073.925.500	6.200.096.009
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	1.400.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10	9.874.000.000	9.874.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10	(4.800.074.500)	(5.073.903.991)
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.689.732.225	21.100.218.328
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	18.689.732.225	21.100.218.328
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.191.243.436.195	1.102.102.097.325

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		462.222.337.417	436.372.852.103
310	I. Nợ ngắn hạn		144.278.184.949	145.839.158.382
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	23.760.189.994	25.367.037.394
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.342.920.326	2.351.525.407
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.961.016.490	1.971.504.223
314	4. Phải trả người lao động		6.193.109.235	4.243.308.061
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.873.710.681	1.885.817.349
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.116.983.052	5.286.717.480
320	7. Vay ngắn hạn	15	84.557.515.703	100.321.463.269
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.472.739.468	4.411.785.199
330	II. Nợ dài hạn		317.944.152.468	290.533.693.721
338	1. Vay dài hạn	15	317.944.152.468	290.533.693.721
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		729.021.098.778	665.729.245.222
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	729.021.098.778	665.729.245.222
411	1. Vốn cổ phần		326.779.820.000	312.179.820.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		326.779.820.000	312.179.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		254.725.820.000	254.725.820.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.421.330.700)	(5.172.851.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		55.480.871.495	46.268.266.685
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		120.455.917.983	57.728.189.537
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.571.991.880	19.446.116.853
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		97.883.926.103	38.282.072.684
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.191.243.436.195	1.102.102.097.325

LÊ HẢI ANH

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

HỒ VĂN THIÊN

Kế toán trưởng

MAI VĂN TÙNG

Tổng Giám đốc

0302704798

CÔNG TY CỔ PHẦN

ÂU LẠC

AULAC CORPORATION

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015
www.aulac.com.vn | 36

BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 37

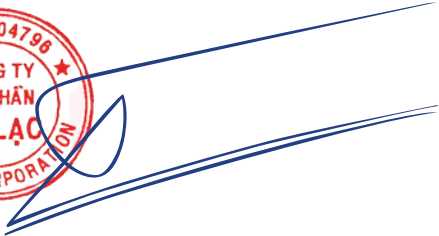
		VND	
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
10	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ		
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	20	
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17	
22	5. Chi phí tài chính	18	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		
25	6. Chi phí bán hàng	19, 20	
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19, 20	
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		
31	9. Thu nhập khác		
32	10. Chi phí khác		
40	11. Lợi nhuận khác		
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	



LÊ HẢI ANH
Người lập biểu



HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng



MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

		VND	
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	8	
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		
06	Chi phí lãi vay	18	
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		
09	Tăng các khoản phải thu		
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		
12	Giảm chi phí trả trước		
14	Tiền lãi vay đã trả		
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		

		VND	
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
		Số cuối năm	Số đầu năm
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của Công ty đã phát hành	(23.248.479.700)	(1.604.251.000)
33	Tiền thu từ đi vay	363.803.532.843	581.316.633.770
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(347.657.513.943)	(447.966.494.086)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(31.287.569.040)	(29.655.821.789)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính	(38.390.029.840)	102.090.066.895
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm	(42.179.707.365)	9.952.075.286
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	108.436.975.513	98.463.784.926
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	194.894.744	21.115.301
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	66.452.162.892	108.436.975.513


LÊ HẢI ANH
Người lập biểu
Ngày 10 tháng 3 năm 2016


HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng


MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ấu Lạc (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải - kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải biển, dịch vụ thủ tục hải quan và các hoạt động khác có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 159, Đường Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 311 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 259).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán do việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 26.

3.2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Phụ tùng, vật tư - chi phí xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí nhiên liệu trực tiếp được xác định theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc : 25 năm

Máy móc, thiết bị : 5 năm

Phương tiện vận tải : 6 - 15 năm

Thiết bị văn phòng : 3 - 7 năm

Phần mềm máy tính : 3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- » Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- » Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:
- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- » Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại ("cổ phiếu quỹ") được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên:

- »
- Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- » *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	655.744.924	519.364.403
Tiền gửi ngân hàng	17.296.417.968	13.917.611.110
Các khoản tương đương tiền	48.500.000.000	94.000.000.000
TỔNG CỘNG	66.452.162.892	108.436.975.513

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,8%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn sáu (6) tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và hưởng lãi suất 5,8%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
PTT International Trading Pte Ltd.	8.755.500.000	-
Petrolimex Singapore Pte Ltd.	5.567.720.107	21.204.992.000
PetroChina International (Singapore) Pte. Ltd.	4.487.193.750	-
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	-	5.282.659.208
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.148.713.611	20.762.831.449
TỔNG CỘNG	19.959.127.468	47.250.482.657

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	23.867.815.362	18.227.644.320
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	16.659.952.504	21.599.020.159
TỔNG CỘNG	40.527.767.866	39.826.664.479

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện phần nhiên liệu tồn trên các tàu của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	12.399.011.818	246.643.427	1.351.072.251.730	538.142.860	1.364.256.049.835
Mua mới trong năm	-	-	228.444.716.599	40.545.455	228.485.262.054
Thanh lý	-	-	-	(73.786.000)	(73.786.000)
Số cuối năm	12.399.011.818	246.643.427	1.579.516.968.329	504.902.315	1.592.667.525.889
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	246.643.427	-	538.142.860	784.786.287
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(3.802.360.000)	(246.643.427)	(492.953.791.991)	(538.142.860)	(497.540.938.278)
Khấu hao trong năm	(495.960.000)	-	(128.920.790.841)	(225.253)	(129.416.976.094)
Thanh lý	-	-	-	73.786.000	73.786.000
Số cuối năm	(4.298.320.000)	(246.643.427)	(621.874.582.832)	(464.582.113)	(626.884.128.372)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	8.596.651.818	-	858.118.459.739	-	866.715.111.557
Số cuối năm	8.100.691.818	-	957.642.385.497	40.320.202	965.783.397.517
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố thế chấp (Thuyết minh số 15)	8.100.691.818	-	655.429.712.979	-	663.530.404.797

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Sửa chữa định kỳ	10.194.518.595	2.136.630.000	
Xây dựng văn phòng	522.328.144	-	
TỔNG CỘNG	10.716.846.739	2.136.630.000	

10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

VND

Tên công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Xăng dầu Nam Việt Sài Gòn	4.000.000.000	(650.400.000)	3.349.600.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	2.700.000.000	(2.700.000.000)	-	2.700.000.000	(2.700.000.000)	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.120.000.000	(1.379.344.050)	740.655.950	2.120.000.000	(1.215.184.000)	904.816.000
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	745.000.000	(70.330.450)	674.669.550	745.000.000	(278.704.500)	466.295.500
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	309.000.000	-	309.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	-	-	-	309.000.000	(174.494.118)	134.505.882
TỔNG CỘNG	9.874.000.000	(4.800.074.500)	5.073.925.500	9.874.000.000	(4.368.382.618)	5.505.617.382

Chi tiết thay đổi các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.073.903.991	4.997.820.045
Dự phòng trích lập trong năm	887.387.164	3.976.083.946
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong năm	(1.161.216.655)	(3.900.000.000)
Số cuối năm	4.800.074.500	5.073.903.991

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm	2.088.724.376	2.247.986.517
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	18.689.732.225	21.100.218.328
TỔNG CỘNG	20.778.456.601	23.348.204.845

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	2.552.948.000	71.318.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	2.526.848.060	2.575.909.827
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hàn Việt	2.407.844.748	1.582.168.431
Standard Maritime Pte Ltd.	1.416.763.638	4.991.210.251
Phải trả người bán khác	14.855.785.548	16.146.430.885
TỔNG CỘNG	23.760.189.994	25.367.037.394

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

					VND
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm và điều chỉnh tăng các năm trước	Số đã nộp trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 21</i>)	1.478.868.343	36.470.151.546	(28.136.927.268)	(1.026.572.433)	8.785.520.188
Thuế thu nhập cá nhân	492.635.880	3.703.521.095	(3.020.660.673)	-	1.175.496.302
TỔNG CỘNG	1.971.504.223	40.173.672.641	(31.157.587.941)	(1.026.572.433)	9.961.016.490

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng phải trả	2.104.759.777	2.741.765.528
Cổ tức phải trả	1.648.692.507	1.498.235.547
Lãi trái phiếu phải trả	-	685.388.890
Các khoản khác	1.363.530.768	361.327.515
TỔNG CỘNG	5.116.983.052	5.286.717.480

15. VAY

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	Số cuối năm
Ngắn hạn	100.321.463.269	188.147.532.843	(203.991.001.865)	79.521.456	84.557.515.703
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	54.149.042.133	132.895.245.811	(150.792.340.729)	79.521.456	36.331.468.671
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15.2)	31.572.421.136	55.252.287.032	(38.598.661.136)	-	48.226.047.032
Trái phiếu chuyển đổi đến hạn	14.600.000.000	-	(14.600.000.000)	-	-
Dài hạn	290.533.693.721	175.656.000.000	(158.266.512.078)	10.020.970.825	317.944.152.468
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	290.533.693.721	175.656.000.000	(158.266.512.078)	10.020.970.825	317.944.152.468
TỔNG CỘNG	390.855.156.990	363.803.532.843	(362.257.513.943)	10.100.492.281	402.501.668.171

15.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 8)
	VND	Đô la Mỹ			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 5	23.621.745.071	1.048.970	Từ ngày 18 tháng 6 năm 2016 đến ngày 29 tháng 6 năm 2016	1,7	Tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quận 5	12.709.723.600	564.400	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2016 đến ngày 27 tháng 1 năm 2016	2,0	Tòa nhà văn phòng (Thuyết minh số 8)
TỔNG CỘNG	36.331.468.671	1.613.370			

Công ty sử dụng các khoản vay này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

15.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức bảo đảm (Thuyết minh số 8)
	VND	Đô la Mỹ			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quận 5	180.208.297.500	8.002.500	Trả làm 7 phân kỳ theo năm từ ngày 18 tháng 7 năm 2015 đến ngày 18 tháng 7 năm 2021	Thả nổi	Tàu
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quận 5	168.622.272.000	7.488.000	Trả làm 25 phân kỳ theo quý từ ngày 18 tháng 12 năm 2015 đến ngày 16 tháng 12 năm 2021	Thả nổi	Tàu
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	17.339.630.000	770.000	Trả làm 23 phân kỳ theo quý từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 10 năm 2018	Thả nổi	Tàu
TỔNG CỘNG	366.170.199.500	16.260.500			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	48.226.047.032	2.141.571			
Vay dài hạn	317.944.152.468	14.118.929			

Công ty sử dụng các khoản vay này cho mục đích đầu tư hình thành tài sản cố định.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	253.779.820.000	254.725.820.000	(3.568.600.000)	42.665.248.079	54.362.608.186	601.964.896.265
Trái phiếu chuyển đổi	58.400.000.000	-	-	-	-	58.400.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.604.251.000)	-	-	(1.604.251.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	45.037.732.570	45.037.732.570
Trích lợi nhuận	-	-	-	3.603.018.606	(3.603.018.606)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.152.641.280)	(3.152.641.280)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(30.016.640.400)	(30.016.640.400)
Thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(4.899.850.933)	(4.899.850.933)
Số cuối năm	312.179.820.000	254.725.820.000	(5.172.851.000)	46.268.266.685	57.728.189.537	665.729.245.222
Năm nay						
Số đầu năm	312.179.820.000	254.725.820.000	(5.172.851.000)	46.268.266.685	57.728.189.537	665.729.245.222
Cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu	14.600.000.000	-	-	-	-	14.600.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(23.248.479.700)	-	-	(23.248.479.700)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	115.157.560.121	115.157.560.121
Trích lợi nhuận	-	-	-	9.212.604.810	(9.212.604.810)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.061.029.208)	(8.061.029.208)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(31.438.026.000)	(31.438.026.000)
Thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.718.171.657)	(3.718.171.657)
Số cuối năm	326.779.820.000	254.725.820.000	(28.421.330.700)	55.480.871.495	120.455.917.983	729.021.098.778

(*) Vào ngày 12 tháng 1 năm 2015 và 12 tháng 7 năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải và Xăng dầu Sài Gòn (“trái chủ”) đã thực hiện quyền chuyển đổi 20% số lượng trái phiếu đã phát hành còn lại tương đương 14.600 trái phiếu, sang 1.460.000 cổ phiếu với giá chuyển đổi 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

(**) Vào ngày 4 tháng 11 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 1.879.719 cổ phiếu đã phát hành cho các cổ đông hiện hữu.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	312.179.820.000	253.779.820.000
Cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu	14.600.000.000	58.400.000.000
Số cuối năm	326.779.820.000	312.179.820.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	31.438.026.000	30.016.640.400
Cổ tức đã trả	31.287.569.040	29.655.821.789

16.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(Số cổ phiếu)	(Số cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	32.677.982	31.217.982
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	32.677.982	31.217.982
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.389.675)	(509.956)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.288.307	30.708.026

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.914.027.802	3.705.657.287
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.667.734.575	471.656.990
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	24.279.468.274
Cổ tức được chia	-	2.665.300.000
TỔNG CỘNG	5.581.762.377	31.122.082.551

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.609.181.461	21.836.091.971
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.556.647.133	3.105.209.734
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	446.853.546	3.346.312.306
TỔNG CỘNG	27.612.682.140	28.287.614.011

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	13.083.162.621	13.907.786.874
Chi phí hoa hồng	13.083.162.621	13.907.786.874
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	34.762.115.597	29.757.997.147
Chi phí nhân công	21.508.456.603	17.630.135.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.081.584.559	6.116.754.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.008.830.877	1.036.606.814
Chi phí khác	7.163.243.558	4.974.500.492
TỔNG CỘNG	47.845.278.218	43.665.784.021

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	155.824.278.940	231.977.621.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.399.680.265	174.311.989.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.396.311.094	111.590.635.653
Chi phí nhân công	57.814.843.206	47.963.381.414
Chi phí khác	8.784.624.214	4.974.500.492
TỔNG CỘNG	523.219.737.719	570.818.128.805

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.226.790.746	12.249.549.143
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	2.243.360.800	-
TỔNG CỘNG	36.470.151.546	12.249.549.143

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận chịu thuế:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	151.627.711.667	57.287.281.713
Chi phí không được khấu trừ	3.948.609.904	1.057.787.120
Thu nhập cổ tức	-	(2.665.300.000)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	155.576.321.571	55.679.768.833
Thuế TNDN ước tính	34.226.790.746	12.249.549.143
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.478.868.343	4.618.702.485
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	2.243.360.800	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(28.136.927.268)	(15.389.383.285)
Giảm khác	(1.026.572.433)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	8.785.520.188	1.478.868.343

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao và thưởng	3.718.171.657	4.899.850.933

23. TÀI SẢN NGOÀI BẢNG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý - VND	3.065.333.335	3.065.333.335
Ngoại tệ - USD	626.884	368.885

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế	115.157.560.121	45.037.732.570
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.061.029.208)	(3.152.641.280)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	107.096.530.913	41.885.091.290
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	31.425.330	26.088.026
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	3.408	1.606

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	107.096.530.913	41.885.091.290
Lãi sau thuế của trái phiếu chuyển đổi (VND)	-	1.138.800.000
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho yếu tố suy giảm (VND)	107.096.530.913	43.023.891.290
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	31.425.330	26.088.026
Số lượng cổ phiếu có khả năng chuyển đổi (cổ phiếu)	-	1.460.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho yếu tố suy giảm (cổ phiếu)	31.425.330	27.548.026
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	3.408	1.562

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ hàng hải và vận tải biển. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Tài sản cố định	868.851.741.557	(2.136.630.000)	866.715.111.557
Tài sản dở dang dài hạn	-	2.136.630.000	2.136.630.000
Quỹ dự phòng tài chính	25.908.074.021	(25.908.074.021)	-
Quỹ đầu tư phát triển	20.360.192.664	25.908.074.021	46.268.266.685
Phải thu ngắn hạn khác	782.863.221	31.590.000	814.453.221
Tài sản ngắn hạn khác	31.590.000	(31.590.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	4.605.000.000	4.605.000.000
Tài sản dài hạn khác	4.605.000.000	(4.605.000.000)	-
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
Tăng các khoản phải thu	(4.093.895.393)	258.410.000	(3.835.485.393)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	258.410.000	(258.410.000)	-

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



LÊ HẢI ANH
Người lập biểu



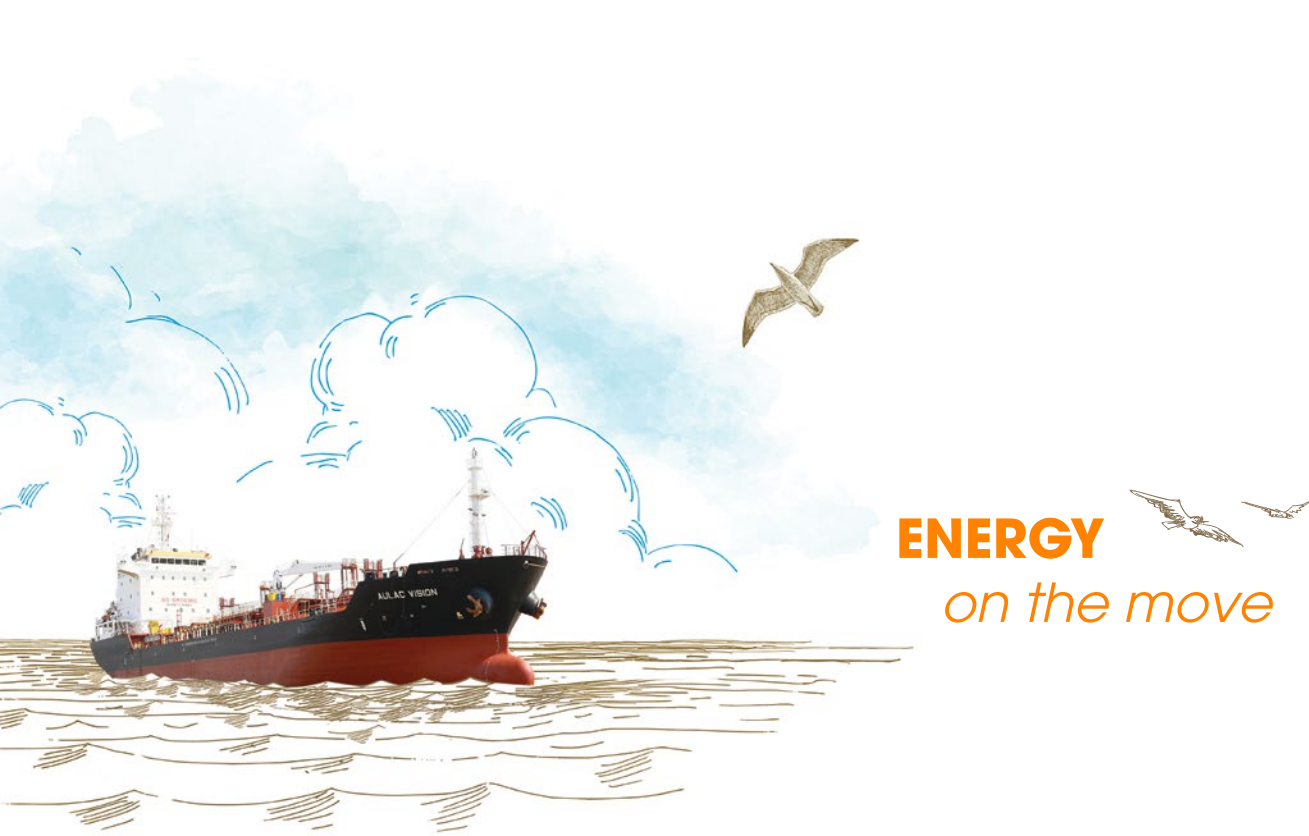
HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng





MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016



66 AULAC CORPORATION PROFILE



68

Message
from Chairwoman



70

Shareholders'
structure



72

Introduction of
Board of
Directors



73

Introduction of
Board of
Supervisors



74

Introduction of
Board of
Management



75

Organizational
Chart

76 BUSINESS PERFORMANCE



78

Board of
Management
Report



82

The Supervisory
Board's Report



84

Human
Resource Report



88

Safety
Culture



90

The Company's
Orientation
in 2016

92 FINANCIAL STATEMENTS

- 94 General information
- 96 Independent auditor's report
- 98 Balance sheet
- 100 Income statement
- 101 Cash flow statement
- 103 Notes to financial statements

AFFIRM
COMPANY'S **P**osition matching
international standards



AULAC CORPORATION PROFILE

- 64 Message from Chairwoman
- 67 Shareholders' structure
- 68 Introduction of The Board of Directors
- 69 Introduction of Supervisory Board
- 70 Introduction of Board of Management
- 71 Organizational chart



115.1
BILLION VND
PROFIT AFTER TAX
AN INCREASE OF 256%
COMPARED TO 2014

First of all, on behalf of the Board of Directors, I would like to appreciate all the valuable contribution of all officers, staffs and crew members during last year, which has brought to the Company 115.1 billion VND profit after tax, an increase of 256% compared to 2014.

This achievement in 2015 has demonstrated the right orientation: **"New recognition, worthy position"** that the new Board of Directors has proposed and continuously monitored in order to successfully implement two main objectives:

» **ENLARGING, REJUVENATION AND ENHANCING THE QUALITY OF THE FLEET:** in 2015, with the determination of rapid and sustainable development, the Company has actively sought, negotiated and successfully invested in a new vessel named Aulac Vision, which was built in Korea with a reasonable price, operating started immediately after vessel delivery in order to satisfy the high requirements from the customers.

» **DEVELOPING HUMAN RESOURCES AND IMPROVING THE MANAGEMENT QUALITY:** improve the quality of crew members - staffs through recruitment and training at the Training center. The Company continuously improves the quality of management through the programs of ability evaluation, work efficiency, building company culture, developing Safety culture...

Undoubtedly, this success cannot be achieved without the companionship and support of the shareholders, domestic and foreign customers and partners, together with the wise leadership of the Board of Directors, the drastic execution of the Board of Management, and especially the hard-working spirit of all the staffs and crew members of the Company.

With professional human resources and efficient management system, the Company is taking steps

to actualize the strategies of expanding business operation in order to strengthen and improve its position in the regional and international market as well as maintain the brand and the best service quality, which have gained the high trust from domestic and regional customers.

The goal in 2016 and in the near future of the Company is to continue to invest in the fleet with the orientation of quality and efficiency, sustainably expand production and business activities; furthermore, we determine to bring Aulac Corporation to become **"One of the leading private companies in Vietnam shipping industry"** in accordance with the new vision of the Board of Directors, which have been gaining the shareholders' trust.

Once again, we look forward to receiving further supports from the Shareholders, the domestic and foreign customers and partners, as well as the enthusiastic contributions from all the staffs and crew members of Aulac Corporation.

On behalf of the Board of Directors, I would like to thank and wish all the shareholders, customers, partners and Aulac Corporation health and all the best.

NGO THU THUY
Chairwoman

Dear all Shareholders, partners, Board of Directors, Board of Management and all staffs and crew members of Aulac Corporation.

STARTING THE 5-YEAR TERM (2015 - 2020) OF THE NEW BOARD OF DIRECTORS, WITH THE BEST EFFORTS OF THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT TOGETHER WITH ALL THE OFFICERS, STAFFS AND CREW MEMBERS, THE COMPANY HAS ACHIEVED A COMMENDABLE SUCCESS. 2015 WAS THE FIRST YEAR SINCE ITS INCEPTION AND DEVELOPMENT, THE COMPANY HAS ACHIEVED PROFIT AFTER TAX OF 231% COMPARE TO THE PLAN THE GENERAL ASSEMBLY OF SHAREHOLDERS SET IN THE CIRCUMSTANCE THAT 4 VESSELS UNDERWENT INTERMEDIATE SURVEY DRY-DOCKING.



In 2015, Aulac Corporation has moved the office to 159 Truong Van Bang, Thanh My Loi Ward, District 2, Ho Chi Minh City.

326.78 BILLION VND
CHARTER CAPITAL AS AT 31/12/2015

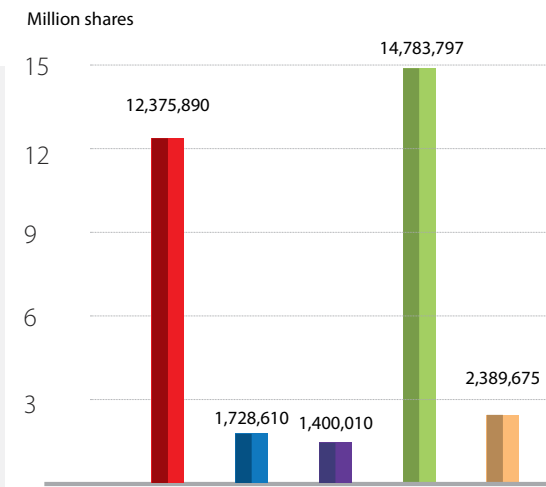
As at 31/12/2015, the Company's share capital is as follows:

» Charter capital of the Company	:	VND 326,779,820,000
» Paid in capital	:	VND 326,779,820,000
» Number of shares outstanding	:	30,288,307 shares
» Treasury shares	:	2,389,675 shares
» Par value per share	:	10,000 VND/shares

In 2015, the Company has converted convertible bonds to shares 2nd and 3rd time for the Bondholder as follow:

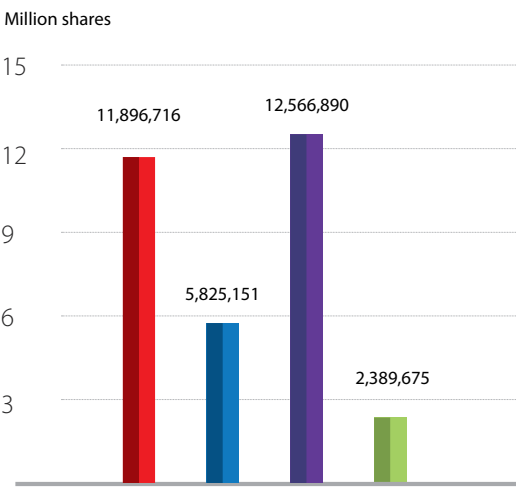
» **2nd time:** Converted 7,300 convertible bonds to 730,000 shares (equivalent to 7.3 Bil. VND) in accordance with resolution 01-2015/NQ-HDQT.

» **3rd time:** Converted 7,300 convertible bonds to 730,000 shares (equivalent to 7.3 Bil. VND) in accordance with resolution 05-2015/NQ-HDQT.



Major shareholders' structure (shares)

■ Education Management Holdings Limited	:	12,375,890
■ Saigon Petro HCMC	:	1,728,610
■ Saigon Petroleum and Transportation Investment JSC	:	1,400,010
■ Other shareholders	:	14,783,797
■ Treasury shares	:	2,389,675



Shareholders' structure (shares)

■ Domestic individuals	:	11,896,716
■ Domestic institutions	:	5,825,151
■ Foreign investors and institutions	:	12,566,890
■ Treasury shares	:	2,389,675



Mr. **NGO THANH TUNG**
Member

Ms. **NGO THU THUY**
Chairwoman

Mr. **LE MINH QUOC**
Deputy chairman

Mr. **MAI VAN TUNG**
Member

Mr. **DANG VINH SANG**
Member



Ms. **NGUYEN DINH THUY TIEN**
Member

Mr. **HUYNH DUC TRUONG**
Head of The Board

Mr. **PHAN VINH KHA**
Member

Ms. **DANG THI HONG LOAN**
Member

Introduction of
BOARD OF MANAGEMENT

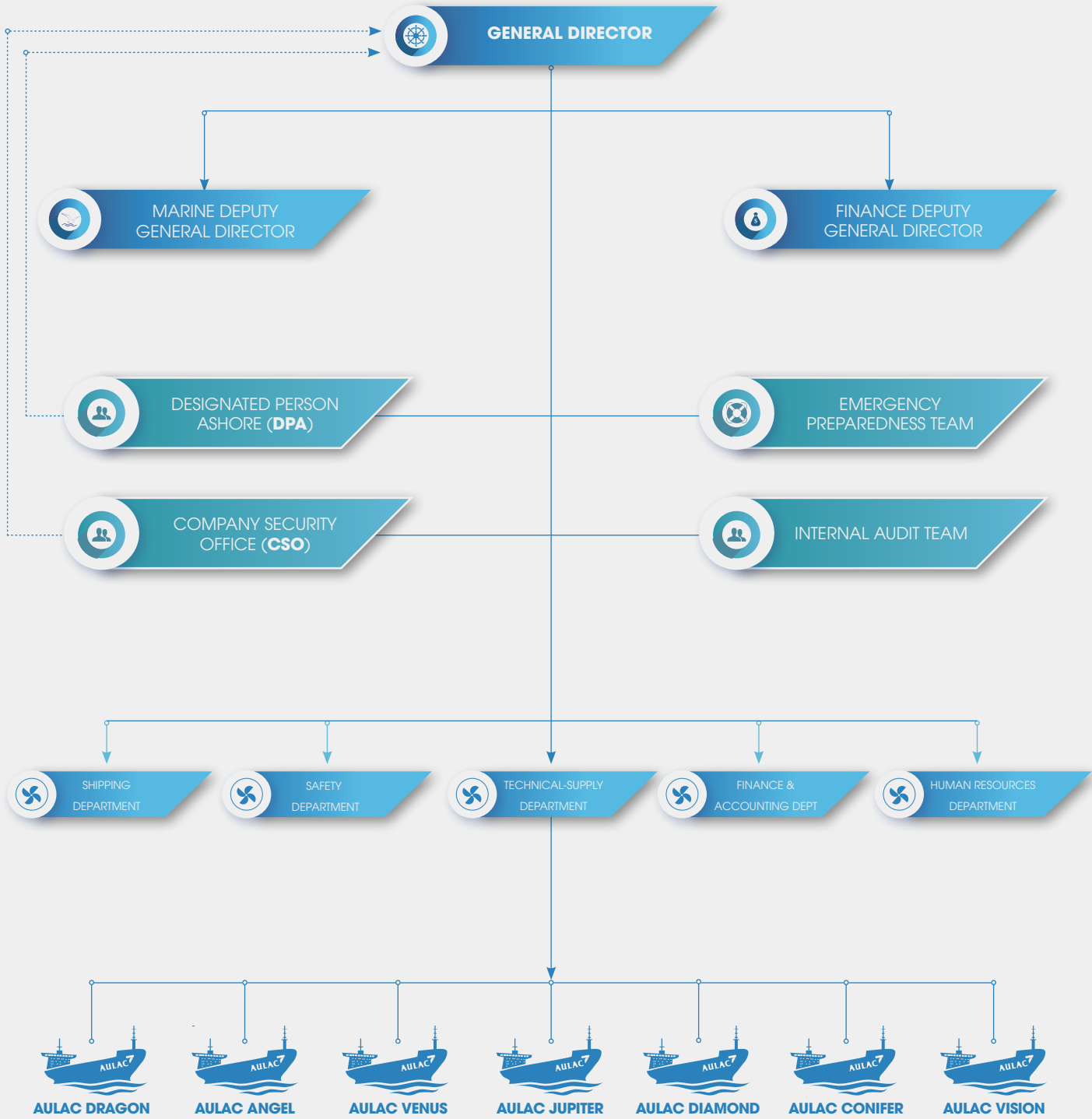


Mr. **LE HONG SON**
Deputy General Director

Mr. **MAI VAN TUNG**
General Director

Mr. **HO VAN THIEN**
Deputy General Director

Organizational
CHART





FLEXIBLE  **Operating
awaiting opportunities**

BUSINESS PERFORMANCE

- 74 Board of Management report
- 78 The Supervisory Board's report
- 80 Human resource report
- 84 Safety culture
- 86 The company's orientation in 2016

2015 BUSINESS OPERATION AND PERFORMANCE REVIEW

695.5

BILLION VND
TRANSPORT REVENUES



Mr. MAI VAN TUNG - General Director

DESPITE FACING MANY CHALLENGES IN THE CIRCUMSTANCE OF THE PETROLEUM MARKET VOLATILITY, WITH THE CONSENSUS AND DETERMINATION OF THE ENTIRE BOARD OF MANAGEMENT AND STAFFS, CREW MEMBERS, AULAC CORPORATION HAS STILL ACHIEVED VERY SUCCESSFUL YEAR WITH THE FOLLOWING ACHIEVEMENTS:



MAINTENANCE, PERIODIC DRY DOCKING

In 2015, the Company has successfully finished intermediate survey dry-docking of 3 vessels as per initial 2015 plan, which were Aulac Conifer, Aulac Diamond and Aulac Venus. Additionally, the new vessel Aulac Vision has also completed its intermediate survey dry-docking in October right after the purchasing deal done. With the efforts and determination of the entire company, although there were a lot of works done when doing intermediate survey dry-docking for all 4 vessels in the year end period, the target maintenance period set was met as well as ensuring operating days to achieve target operating revenue in this year.

FLEET DEVELOPMENT, REVENUE GROWTH

Capturing the opportunity that vessel prices fell due to the impact of oil prices, in September 2015, the Company successfully and effectively invested in Aulac Vision, bringing the total fleet of AuLac to 7 vessels. Thus, transport revenues continued to grow, reaching 695.5 billion VND, increasing 11.3% compared to 2014 and 5.5% exceeding the plan of the Resolution of the Annual Shareholders Meeting in 2015. The number of voyages made in the year also increased from 188 to 207 voyages.

In addition, the Company continues to assert its position in the fuel transport market by the quality and professionalism. With the trust from partners, total number of customers of the Company increased from 34 to 40 clients in 2015. Currently, the Company is considered as a strategic partner, trustworthy and comparable to other shipping companies in Southeast Asia.



115.1

BILLION VND

**RECORD FOR PROFITS
SINCE ESTABLISHMENT
DATE, EQUIVALENT TO 256%
OF THE SAME PERIOD IN
2014 AND REACHED 231%
OF THE PLAN AGREED BY
GENERAL MEETING OF
SHAREHOLDERS.**

OFFICE LOCATION CHANGE

With the approval of the General Shareholders Meeting, to implement the Resolution of Extraordinary General Meeting of Shareholders dated 28/09/2015, the Company has moved the office from 92 Bis Tran Quoc Toan Street, Ward 8, District 3, Ho Chi Minh City to 159 Truong Van Bang, Thanh My Loi Ward, District 2, Ho Chi Minh City. The new look and modern of the office provide professional working environment and correspondent to the developed criteria of the Company.

NEW RECORD FOR PROFITS

With all the achievements mentioned above, the Company had set a new record for profits since establishment date, reaching 115.1 billion VND, equivalent to 256% of the same period in 2014 and reached 231% of the plan agreed by General Meeting of Shareholders in 2014. This result is an evidence of the relentless efforts of the entire company with the aim of sustainable growth and bringing the highest profits for shareholders.

**HOWEVER,
THE BOARD OF
MANAGEMENT
DOES NOT
FORGET ABOUT
THE DIFFICULTIES
THAT THE
COMPANY MIGHT
FACE IN 2016:**

VOLATILITY OF THE PETROLEUM MARKET

Continuous volatility of gasoline prices in the market makes investors and traders as well as importers considering and cautious in trading activities. At the same time, the demand for gasoline in the Southeast Asian region is forecasted to decrease slightly in 2016 and only recovered at the end of the year, this causes psychological anxiety for oil importers in the region, affecting indirectly to the fuel transportation industry.

INCREASED RISK OF PIRACY IN SOUTHEAST ASIA

In 2015, the raising of piracy in the Malacca Strait and adjacent waters such as Malaysia, Indonesia made this area, one of the world's busiest areas of commercial maritime routes, a very dangerous place for shipping vessels, especially tankers. Therefore, the Company has proactively equipped the fleet with modern anti-pirate equipment; strengthen warning method to ensure the safety of crew members, vessels and cargos. Thus, this increased additional costs and operating time, significantly affected the efficiency of the Company.

COMPLIANCE WITH INTERNATIONAL CONVENTIONS

The Maritime Labour Convention 2006 (MLC) - which was adopted by the International Labour Organisation (ILO) in Geneva, Switzerland, February 23rd, 2006 - officially became effective in Vietnam, which enhance cares and quality of work environment and rest of the crew; the minimum requirements for crew members working on board as well as medical regime, welfare, social welfare for them requires the Company which manages and operates the vessels to spend more to meet these requirements of the Convention.

In the near future, the Ballast Water Management Convention will soon take effect. Compliance with this convention, the company must equips all the fleet with ballast water treatment systems; the study, installation and maintenance of this system will significantly increase the cost for the entire fleet.

In spite of the difficulties mentioned above, under the close direction, the right development strategy of the Board of Directors and efficient management of the Board of Management, together with the dedication and enthusiasm of the entire staffs and crew members, Aulac Corporation will overcome the difficulties and continue to be successful in 2016.



PERFORMING THE FUNCTIONS AND DUTIES OF THE SUPERVISORY BOARD UNDER THE ENTERPRISE LAW AND THE OPERATING AND ORGANIZING CHARTER OF AULAC CORPORATION, THE SUPERVISORY BOARD WOULD LIKE TO REPORT THE ACTIVITIES IN 2015, AS FOLLOWS:



ACTIVITIES & SUPERVISING RESULTS IN 2015

In the last year, the Supervisory Board has implemented proper functioning powers and duties stipulated in the Enterprise Law, operating and organizing charter of the Company. The Supervisory Board has not only set up, built

working program and assigned specific tasks to each member but also inspected and controlled the issues that the Supervisory Board had deemed necessary, in particular:

- » Checking the process of implementing the resolutions of the Board of Directors on the execution of resolutions

of the General Meeting of Shareholders 2015.

- » Inspecting the financial report audited in 2015 of the Company.

COMMENTS AND REMARKS OF THE SUPERVISORY BOARD

Aulac Corporation has fully and consistently complied with the Vietnamese Accounting Standards (VAS) and the current Vietnamese corporate accounting regime in terms of preparation and presentation of the Quarterly and Annual Financial Statements in 2015.

The Board of Directors has brought directions, administered positively and fiercely in order to exceed the plan set by the General Meeting of Shareholders.

The activities, the policies and the resolutions of the Board of Directors complied with the resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Company's charter and applicable Vietnamese laws and regulations.

The Board of Management and all staffs of the Company have made great efforts to exceed the business plan proposed by the General Meeting of Shareholders



in 2015, which contributes to bring benefits to the Shareholders. The Supervisory Board highly appreciated these efforts.

The Board of Management has implemented the resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Company's charter in compliance with provisions of law.

ACTIVITY PLAN OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2016

In 2016, the Supervisory Board will maintain controlling activities regularly and periodically in accordance with the Company's charter and operating regulations

of the Supervisory Board, as follows:

- » Review, verify the report of business results, financial statements in 2016 and report to the Annual General Assembly of Shareholders.
- » Examine and consider the execution of the resolutions which are proposed in the General Shareholders' meeting.

On the behalf of the Supervisory Board

HUYNH DUC TRUONG
Head of Supervisory Board



THE HUMAN FACTOR IS KEY TO SUCCESS



Human resources are the most valuable asset of Aulac Corporation. The company always focuses on building, training the managing level and professional crew to bring Aulac to sustainable development.



Managers of Aulac Corporation visit vessels and crew members.



311

STAFFS

THE TOTAL STAFF NUMBER,
OF WHICH THE CREW
MADE UP THE LARGEST
PROPORTION UP TO 82%.

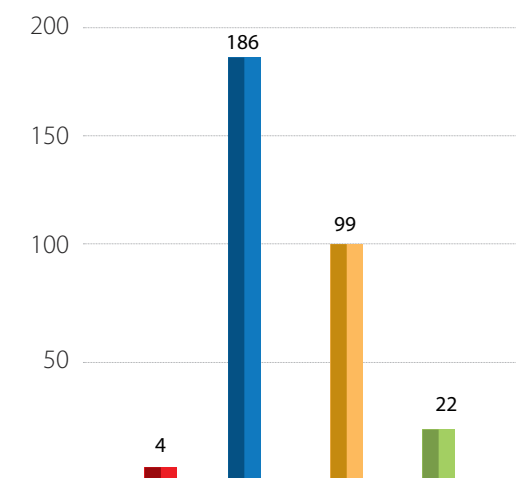


HUMAN RESOURCE MANAGEMENT

In 2015, the Company continues to focus on developing in both quantity and quality of staffs in order to follow the higher demand from Aulac's development as well as the strict requirements of this specialized industry. Many recruitment plans have been applied in 2015 and the Company has recruited 92 more new staffs and crew members with professional qualifications. Moreover, the Company also promoted for 16 crew officers and sailors, and organized many training sessions about important training for crew members such as ECDIS training, 26 coaching sessions follow Shell's contents, getting start training for new crew members, DNV accident investigation and internal auditors.

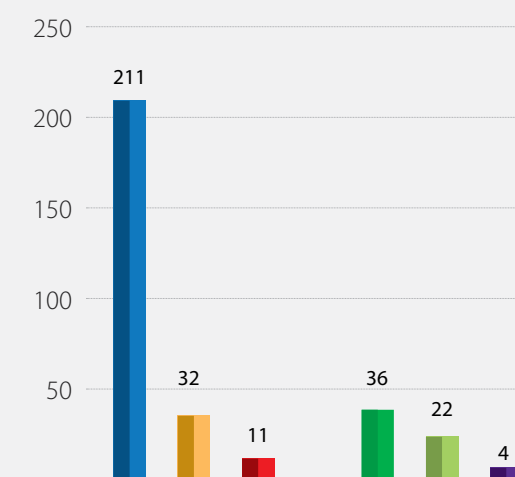
HUMAN RESOURCE POLICIES IN 2015

- » Ensuring quality and quantity of human resources for successfully implementing all the Company's mission and development strategies, especially focusing on improving the quality of high level human resources.
- » Continuing to implement the Key Performance Indicators (KPI) from the top management to all departments and staffs as a basis for competency assessment which is the base for arranging, selecting personnel suitable with the Company's requirements, successfully implement the resolution's objectives



Level of education:

Post-graduate	:	4
Graduate and College	:	186
Junior college	:	99
High school	:	22



Crew quality

Good & Pretty good	:	211
Pass	:	32
Need further improvement	:	11

Quality of on-board training

Good	:	36
Pretty good	:	22
Satisfactory	:	4

of the Shareholders and the Board of Directors.

- » Building and popularizing the Company's culture, Safety culture to all staffs and crew members...
- » Issuing new regulations in management which gradually improve and complete Safety Management System, especially for the management and operation of the human resources in order to meet industry's requirements.

Prioritizing that human resource is a competitive advantage of the business, the Company has always

focused on attracting talented people for the leadership of the Company as well as attracting crew members with qualified knowledge and experience. In addition, Training Center is also strengthening training activities to enhance professional knowledge, skills, management capability for officers, staffs and crew members.

Policies for remuneration and welfare of staffs and crew members have always been focused and improved. The company also gradually perfects the working environment towards professional and modern target, disseminates corporate culture and safety culture for all officers, staffs and crew members.

ALWAYS NO INCIDENT

BECOMING THE COMPANY WITH THE SAFEST WORKING ENVIRONMENT AND MEET THE HIGHEST STANDARDS OF ENVIRONMENTAL PROTECTION.

ELIMINATING THE RISKS TO HUMANS, ENVIRONMENT AND PROPERTY.

IN ORDER TO HELP ALL THE STAFFS AND CREW MEMBERS OF THE COMPANY UNDERSTAND THE MEANING OF INTERNATIONAL SAFETY MANAGEMENT (ISM) OF THE INTERNATIONAL MARITIME ORGANIZATION (IMO) AS WELL AS BUILDING A TYPICAL CULTURE OF AULAC CORPORATION.

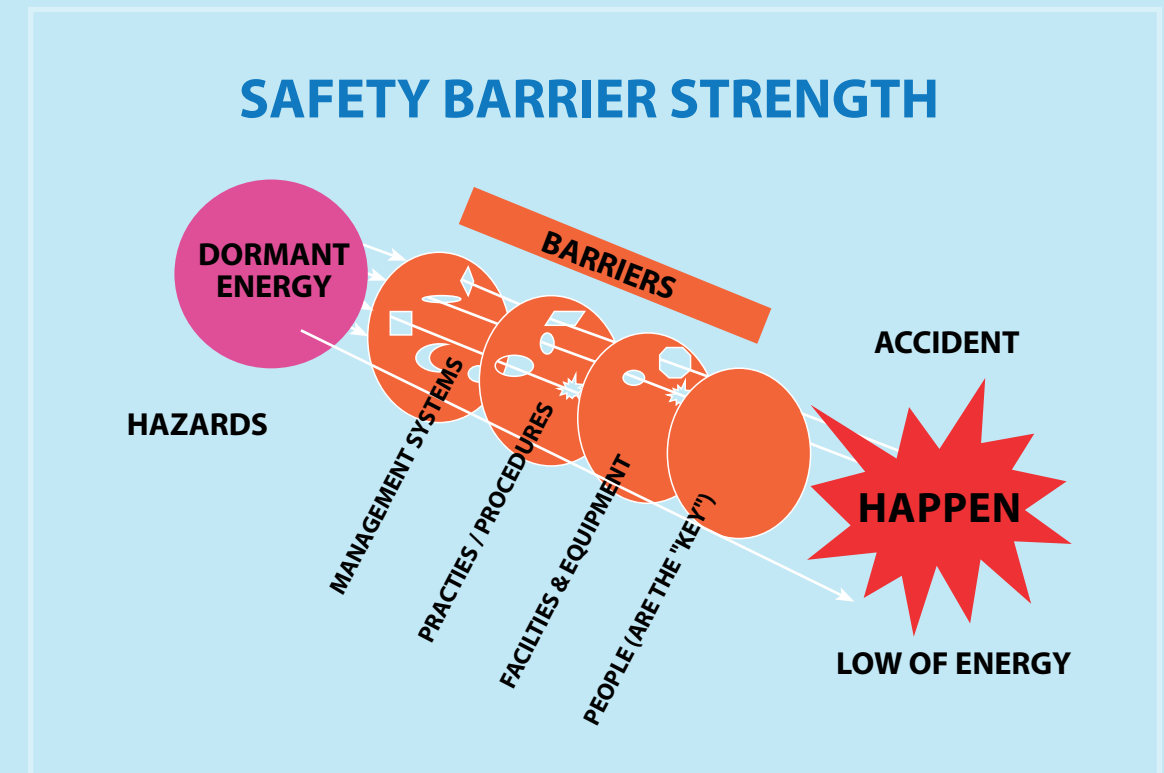
In 2015, the Company has developed and disseminated the Safety Culture, organized meetings and training, and informed to all officers, staffs, crew members.

With the slogan "ALWAYS NO INCIDENT", Aulac Corporation targets to become the company with the safest working environment and meet the highest standards of environmental protection, with the aim of eliminating the risks to humans, environment and property that could occur.



Aulac Diamond rescued four Indonesian crew members in distress at sea, implementing international rescue duty at sea.

The Company establishes the "Security Barriers" as a necessary measure targeting to the safety at work. "Safety Barriers" include 4 criteria which are always being upgraded and improved in order to prevent all incidents:



Succeeding in development and dissemination of the Safety Culture in 2015, the Company expressed the commitment reaching the goal of safety and environmental excellence, which is "Always No Incident".



Introduction of Safety handbook and Preventing and Fight Fire program at Aulac Corporation's office.



THE COMPANY'S ORIENTATION IN 2016

2-3

VESELS PLAN FROM 2016

Continue to develop and expand the long-term relationship with domestic and foreign customers. Focusing on the core business of the Company.

Execute savings, srational use of all resources, enhance business performance of the Company. Ensure the good technical conditions of the vessels to avoid unscheduled stop repair.

Develop the fleet in favor of quality and efficiency for the purpose of serving the demand of all domestic and regional customers. At the same time, the Company will replace old vessels with high quality vessels, in line with the development strategy of the Company.

» **Continue to invest in** two to three vessels in 2016.

» **Plan to restructure** the fleet toward the tendency of modern, quality and effectiveness for the period 2016 - 2020.

Complete and improve the Safety Management System to meet the standards and comply the international marine conventions, announcements, regulations issued in order to professionalize the management of the Company.

Steadily improve professionalism and human resource quality through the training and recruitment. Continue to implement the Key Performance Indicators (KPIs) for the top management and staffs of the Company.



GRADUALLY DIVERSIFY BUSINESS ACTIVITIES OF AULAC IN THE FIELD OF MARITIME TRANSPORTATION AND OTHER FIELDS RELATED TO THE ENERGY SECTOR.



STRONG Potential
ready to speed up



FINANCIAL STATEMENTS

- 94 General information
- 96 Independent auditor's report
- 98 Balance sheet
- 100 Income statement
- 101 Cash flow statement
- 103 Notes to financial statements

THE COMPANY

Aulac Corporation (“the Company”) is a shareholding company established under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No. 0302704796 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 4 September 2002, as amended.

The current principal activities of the Company are domestic waterways, ocean and coastal transport of fuel, marine services – shipping business, shipping agents, marine transport agent services, custom procedures services and other related activities.

The Company’s registered head office is located at No. 159, Truong Van Bang Street, Thanh My Loi Ward, District 2, Ho Chi Minh City, Vietnam.

BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Ms NGO THU THUY	Chairwoman	
Mr LE MINH QUOC	Vice Chairman	<i>from 8 April 2015</i>
Mr MAI VAN TUNG	Member	<i>from 8 April 2015</i>
Mr DANG VINH SANG	Member	<i>from 8 April 2015</i>
Mr NGO THANH TUNG	Member	
Mr NGUYEN MANH THAO	Member	<i>up to 8 April 2015</i>
Ms NGUYEN THI HANG	Member	<i>up to 8 April 2015</i>
Mr NGUYEN THANH HONG	Member	<i>up to 8 April 2015</i>

BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Mr HUYNH DUC TRUONG	Head	
Ms NGUYEN DINH THUY TIEN	Member	<i>from 8 April 2015</i>
Ms DANG THI HONG LOAN	Member	<i>from 8 April 2015</i>
Mr PHAN VINH KHA	Member	
Ms PHAM THI HONG	Member	<i>up to 8 April 2015</i>
Ms BUI THI THU THAO	Member	<i>up to 8 April 2015</i>

MANAGEMENT

Members of the Management during the year and at the date of this report are:

Mr MAI VAN TUNG	General Director
MR LE HONG SON	Deputy General Director
Mr HO VAN THIEN	Deputy General Director

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Mai Van Tung.

AUDITORS

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

Management of Aulac Corporation (“the Company”) is pleased to present its report and the financial statements of the Company for the year ended 31 December 2015.

MANAGEMENT’S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the financial statements of each financial year which give a true and fair view of the financial position of the Company and of the results of its operations and its cash flows for the year. In preparing those financial statements, management is required to:

- » Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- » Make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- » State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements; and
- » Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying financial statements.

STATEMENT BY MANAGEMENT

Management does hereby state that, in its opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2015, and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements.

For and on behalf of management:



MAI VAN TUNG
General Director

10 March 2016



INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders of AuLac Corporation

We have audited the accompanying financial statements of Aulac Corporation ("the Company") as prepared on 10 March 2016 and set out on pages 98 to 125 which comprise the balance sheet as at 31 December 2015, and the income statement and cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's responsibility

Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as at 31 December 2015, and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited



HANG NHAT QUANG
Deputy General Director
Audit Practicing Registration Certificate
No. 1772-2013-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam
10 March 2016

PHAM THI CAM TU
Auditor
Audit Practicing Registration Certificate
No. 2266-2013-004-1

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
100	A. CURRENT ASSETS		186,374,534,214	201,345,041,431
110	I. Cash and cash equivalents	4	66,452,162,892	108,436,975,513
111	1. Cash		17,952,162,892	14,436,975,513
112	2. Cash equivalents		48,500,000,000	94,000,000,000
120	II. Short-term investment		22,000,000,000	-
123	1. Held-to-maturity investment	5	22,000,000,000	-
130	III. Current accounts receivable		25,385,468,082	48,782,056,082
131	1. Short-term trade receivables	6	19,959,127,468	47,250,482,657
132	2. Short-term advances to suppliers		4,154,317,156	1,291,477,010
136	3. Other short-term receivables		2,420,737,069	814,453,221
137	4. Provision for doubtful debts		(1,148,713,611)	(574,356,806)
140	IV. Inventories	7	40,527,767,866	39,826,664,479
141	1. Inventories		40,527,767,866	39,826,664,479
150	V. Other current assets		32,009,135,374	4,299,345,357
151	1. Short-term prepaid expenses	11	2,088,724,376	2,247,986,517
152	2. Value-added tax deductible		29,920,410,998	2,051,358,840
200	B. NON-CURRENT ASSETS		1,004,868,901,981	900,757,055,894
210	I. Long-term receivable		4,605,000,000	4,605,000,000
216	1. Other long-term receivable		4,605,000,000	4,605,000,000
220	II. Fixed assets		965,783,397,517	866,715,111,557
221	1. Tangible fixed assets	8	965,783,397,517	866,715,111,557
222	Cost		1,592,667,525,889	1,364,256,049,835
223	Accumulated depreciation		(626,884,128,372)	(497,540,938,278)
227	2. Intangible assets		-	-
228	Cost		83,435,669	83,435,669
229	Accumulated amortisation		(83,435,669)	(83,435,669)
240	III. Long-term asset in progress		10,716,846,739	2,136,630,000
242	1. Construction in progress	9	10,716,846,739	2,136,630,000
250	IV. Long-term investments		5,073,925,500	6,200,096,009
251	1. Investment in a subsidiary		-	1,400,000,000
253	2. Investment in other entities	10	9,874,000,000	9,874,000,000
254	3. Provision for long-term investments	10	(4,800,074,500)	(5,073,903,991)
260	V. Other long-term asset		18,689,732,225	21,100,218,328
261	1. Long-term prepaid expenses	11	18,689,732,225	21,100,218,328
270	TOTAL ASSETS		1,191,243,436,195	1,102,102,097,325

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
300	C. LIABILITIES		462,222,337,417	436,372,852,103
310	I. Current liabilities		144,278,184,949	145,839,158,382
311	1. Short-term trade payables	12	23,760,189,994	25,367,037,394
312	2. Short-term advances from customers		3,342,920,326	2,351,525,407
313	3. Statutory obligations	13	9,961,016,490	1,971,504,223
314	4. Payables to employees		6,193,109,235	4,243,308,061
315	5. Short-term accrued expenses		1,873,710,681	1,885,817,349
319	6. Other short-term payables	14	5,116,983,052	5,286,717,480
320	7. Short-term loans	15	84,557,515,703	100,321,463,269
322	8. Bonus and welfare fund		9,472,739,468	4,411,785,199
330	II. Non-current liability		317,944,152,468	290,533,693,721
338	1. Long-term loans	15	317,944,152,468	290,533,693,721
400	D. OWNERS' EQUITY		729,021,098,778	665,729,245,222
410	I. Capital	16.1	729,021,098,778	665,729,245,222
411	1. Share capital		326,779,820,000	312,179,820,000
411a	- Shares with voting rights		326,779,820,000	312,179,820,000
412	2. Share premium		254,725,820,000	254,725,820,000
415	3. Treasury shares		(28,421,330,700)	(5,172,851,000)
418	4. Investment and development fund		55,480,871,495	46,268,266,685
421	5. Undistributed earnings		120,455,917,983	57,728,189,537
421a	- Undistributed earnings up to prior year-end		22,571,991,880	19,446,116,853
421b	- Undistributed earnings of current year		97,883,926,103	38,282,072,684
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		1,191,243,436,195	1,102,102,097,325

LE HAI ANH
Preparer

HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

10 March 2016

INCOME STATEMENT

for the year ended 31 December 2015

B02-DN/HN

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
10	1. Revenue from rendering of services		695,528,254,618	624,211,251,392
11	2. Cost of services rendered	20	(475,374,459,501)	(527,152,344,784)
20	3. Gross profit from rendering of services		220,153,795,117	97,058,906,608
21	4. Finance income	17	5,581,762,377	31,122,082,551
22	5. Finance expenses	18	(27,612,682,140)	(28,287,614,011)
23	- In which: Interest expense		(15,609,181,461)	(21,836,091,971)
25	6. Selling expenses	19, 20	(13,083,162,621)	(13,907,786,874)
26	7. General and administrative expenses	19, 20	(34,762,115,597)	(29,757,997,147)
30	8. Operating profit		150,277,597,136	56,227,591,127
31	9. Other income		2,598,417,746	1,936,865,949
32	10. Other expenses		(1,248,303,215)	(877,175,363)
40	11. Other profit		1,350,114,531	1,059,690,586
50	12. Accounting profit before tax		151,627,711,667	57,287,281,713
51	13. Current corporate income tax expense	21	(36,470,151,546)	(12,249,549,143)
60	14. Net profit after tax		115,157,560,121	45,037,732,570
70	15. Basic earnings per share	24	3,408	1,606
71	16. Diluted earnings per share	24	3,408	1,562

LE HAI ANH
Preparer

HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

10 March 2016

CASH FLOW STATEMENT

for the year ended 31 December 2015

B03-DN/HN

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	Accounting profit before tax		151,627,711,667	57,287,281,713
	Adjustments for:			
02	Depreciation of fixed assets	8	129,416,976,094	111,590,635,653
03	Provisions (reversal of provision)		300,527,314	(1,363,843,379)
04	Foreign exchange losses arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency		9,929,419,141	2,980,934,352
05	Profits from investing activities		(3,914,027,802)	(30,650,425,561)
06	Interest expense	18	15,609,181,461	21,836,091,971
08	Operating profit before changes in working capital		302,969,787,875	161,680,674,749
09	Increase in receivables		(4,268,199,766)	(3,835,485,393)
10	(Increase) decrease in inventories		(701,103,387)	3,644,131,721
11	(Decrease) increase in payables		(3,075,275,832)	806,522,989
12	Decrease in prepaid expenses		2,569,748,244	8,533,869,731
14	Interest paid		(15,609,181,461)	(20,387,252,206)
15	Corporate income tax paid	21.2	(28,136,927,268)	(15,389,383,285)
17	Other cash outflows for operating activities		(3,000,074,939)	(6,812,350,933)
20	Net cash flows from operating activities		250,748,773,466	128,240,727,373
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	Purchase and construction of fixed assets		(237,065,478,793)	(284,538,916,183)
23	Bank term deposits		(27,000,000,000)	(11,500,000,000)
24	Bank term deposits received		5,000,000,000	17,900,000,000
25	Payments for investments in other entities		-	(4,000,000,000)
26	Proceeds from sale of investments in other entities		613,000,000	53,829,771,640
27	Interest and dividends received		3,914,027,802	7,930,425,561
30	Net cash flows used in investing activities		(254,538,450,991)	(220,378,718,982)

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
32	Capital redemption		(23,248,479,700)	(1,604,251,000)
33	Drawdown of borrowings		363,803,532,843	581,316,633,770
34	Repayment of borrowings		(347,657,513,943)	(447,966,494,086)
36	Dividends paid	16.2	(31,287,569,040)	(29,655,821,789)
40	Net cash flows (used in) from financing activities		(38,390,029,840)	102,090,066,895
50	Net (decrease) increase in cash and cash equivalents		(42,179,707,365)	9,952,075,286
60	Cash and cash equivalents at beginning of year	4	108,436,975,513	98,463,784,926
61	Impact of exchange rate fluctuation		194,894,744	21,115,301
70	Cash and cash equivalents at end of year	4	66,452,162,892	108,436,975,513

1. CORPORATE INFORMATION

Aulac Corporation ("the Company") is a shareholding company established under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No. 0302704796 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 4 September 2002, as amended.

The current principal activities of the Company are domestic waterways, ocean and coastal transport of fuel, marine services – shipping business, shipping agents, marine transport agent services, custom procedures services and other related activities.

The Company's registered head office is located at No. 159, Truong Van Bang Street, Thanh My Loi Ward, District 2, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Company's employees as at 31 December 2015 was 311 (31 December 2014: 259).

2. BASIS OF PREPARATION

2.1 Accounting standards and system

The financial statements of the Company, expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- » Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- » Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- » Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- » Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- » Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying financial statements, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2 Applied accounting documentation system

The Company's applied accounting documentation system is the Voucher Journal system.

2.3 Fiscal year

The Company's fiscal year applicable for the preparation of its financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.4 Accounting currency

The financial statements are prepared in VND which is also the Company's accounting currency.

LE HAI ANH
Preparer

10 March 2016

HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Change in accounting policies and disclosures

The accounting policies adopted by the Company in preparation of the financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Company's annual financial statements for the year ended 31 December 2014, except for the change in the accounting policy in relation to Circular No. 200/2014/TT-BTC providing guidance on enterprise accounting system.

On 22 December 2014, the Ministry of Finance issued the Circular No. 200/2014/TT-BTC providing guidance on enterprise accounting system ("Circular 200") replacing Decision No. 15/2006/QĐ-BTC dated 20 March 2006 and Circular No. 244/2009/TT-BTC dated 31 December 2009 of the Ministry of Finance. Circular 200 is effective for the financial years beginning on or after 1 January 2015.

The effects of the change in accounting policies in accordance with Circular 200 to the Company are applied on a prospective basis as Circular 200 does not require for retrospective application. The Company also reclassifies certain corresponding figures of prior year to following the presentation of the current year's financial statements in accordance with Circular 200 as disclosed in Note 26.

3.2 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash at banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3.3 Receivables

Receivables are presented in the financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the income statement.

3.4 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value.

Net realisable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

Tools and supplies - cost of purchase on a weighted average basis.

Work in process - cost of fuel on a first-in, first-out basis

Provision for obsolete inventories

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials and other inventories owned by the Company, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases and decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the income statement.

3.5 Fixed assets

Tangible fixed assets and intangible assets are stated at cost less accumulated depreciation and amortisation.

The cost of a fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are capitalised and expenditures for maintenance and repairs are charged to the income statement as incurred.

When fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the income statement.

3.6 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures : 25 years

Machinery and equipment : 5 years

Means of transportation : 6 - 15 years

Office equipment : 3 - 7 years

Computer software : 3 years

The useful life of the fixed assets and depreciation and amortisation rates are reviewed periodically to ensure that the method and the year of the depreciation and amortisation are consistent with the expected pattern of economic benefits that will be derived from the use of fixed assets.

3.7 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that the Company incurs in connection with the borrowing of funds and are recorded as expenses during the year in which they are incurred.

3.8 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

3.9 Investment in other entities

Investment in other entities are stated at their acquisition costs.

Provision is made for any diminution in value of the investments in capital of other entities at the balance sheet date in accordance with the guidance under Circular No. 228/2009/TT-BTC dated 7 December 2009 and Circular No. 89/2013/TT-BTC dated 28 June 2013 issued by the Ministry of Finance. Increases and decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the income statement.

3.10 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Company.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.11 Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Company's reporting currency of VND are recorded at the actual transaction exchange rates at transaction dates which are determined as follows:

- » Transactions resulting in receivables are recorded at the buying exchange rates of the commercial banks designated for collection;
- » Transactions resulting in liabilities are recorded at the selling exchange rates of the transaction of commercial banks designated for payment; and
- » Payments for assets or expenses without liabilities initially being recognised is recorded at the buying exchange rates of the commercial banks that process these payments.
- » At the end of the year, monetary balances denominated in foreign currencies are translated at the actual transaction exchange rates at the balance sheet dates which are determined as follows:
- » Monetary assets are translated at buying exchange rate of the commercial bank where the Company conducts transactions regularly; and
- » Monetary liabilities are translated at selling exchange rate of the commercial bank where the Company conducts transactions regularly.
- » All exchange differences incurred during the year and arising from the revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency at year-end are taken to the income statement.

3.12 Treasury shares

Own equity instruments which are reacquired by the Company ("treasury shares") are recognised at cost and deducted from equity. No gain or loss is recognised in profit or loss upon purchase, sale, issue or cancellation of the Company's own equity instruments.

3.13 Earnings per share

Basic earnings per share amount is computed by dividing net profit for the year attributable to ordinary equity holders of the Company after any appropriation of bonus and welfare fund by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Company (after adjusting for interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

3.14 Appropriation of net profit

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Company maintains the following funds which are appropriated from the Company's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting:

» *Investment and development fund*

This fund is set aside for use in the Company's expansion of its operation or of in-depth investments.

» *Bonus and welfare fund*

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits and presented as a liability on the balance sheet.

3.15 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Rendering of services

Revenue is recognised when the services have been rendered and completed.

Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Dividends

Income is recognised when the Company's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

3.16 Taxation

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to off-set current tax assets against current income tax liabilities and when the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred income tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax bases of assets and liabilities and their carrying amounts for financial reporting purposes.

Deferred income tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences. Deferred income tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised.

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred income tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred income tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred income tax assets to be recovered.

Deferred income tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.16 Taxation (continued)

Deferred tax (continued)

Deferred income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred income tax is also dealt with in the equity account.

Deferred income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to offset current income tax assets against current income tax liabilities and when they relate to income taxes levied on the same taxable entity by the same taxation authority.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	655,744,924	519,364,403
Cash at banks	17,296,417,968	13,917,611,110
Cash equivalents	48,500,000,000	94,000,000,000
TOTAL	66,452,162,892	108,436,975,513

Cash equivalents represent short-term deposits at commercial banks with original maturities of less than three (3) months and earn interest at the rates ranging from 5.2% per annum to 5.8% per annum.

5. HELD-TO-MATURITY INVESTMENT

Held-to-maturity investment represents the short-term deposit at Vietnam Export Import Bank – Saigon Branch with the original maturity of six (6) months and earn interest at the rate of 5.8% per annum.

6. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
PTT International Trading Pte Ltd.	8,755,500,000	-
Petrolimex Singapore Pte Ltd.	5,567,720,107	21,204,992,000
PetroChina International (Singapore) Pte. Ltd.	4,487,193,750	-
The Ho Chi Minh City One-Member Limited Liability Oil & Gas Company	-	5,282,659,208
Other customers	1,148,713,611	20,762,831,449
5,381 mm	19,959,127,468	47,250,482,657

7. INVENTORIES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Tools and supplies	23,867,815,362	18,227,644,320
Work in process (*)	16,659,952,504	21,599,020,159
TOTAL	40,527,767,866	39,826,664,479

(*) Work in process represents fuel in use on the Company's vessels as at the balance sheet date.

8. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Total
VND					
Cost:					
Beginning balance	12,399,011,818	246,643,427	1,351,072,251,730	538,142,860	1,364,256,049,835
New purchase	-	-	228,444,716,599	40,545,455	228,485,262,054
Disposal	-	-	-	(73,786,000)	(73,786,000)
Ending balance	12,399,011,818	246,643,427	1,579,516,968,329	504,902,315	1,592,667,525,889
<i>In which:</i>					
Fully depreciated	-	246,643,427	-	538,142,860	784,786,287
Accumulated depreciation:					
Beginning balance	(3,802,360,000)	(246,643,427)	(492,953,791,991)	(538,142,860)	(497,540,938,278)
Depreciation for the year	(495,960,000)	-	(128,920,790,841)	(225,253)	(129,416,976,094)
Disposal	-	-	-	73,786,000	73,786,000
Ending balance	(4,298,320,000)	(246,643,427)	(621,874,582,832)	(464,582,113)	(626,884,128,372)
Net carrying amount:					
Beginning balance					
Ending balance	8,596,651,818	-	858,118,459,739	-	866,715,111,557
Ending balance	8,100,691,818	-	957,642,385,497	40,320,202	965,783,397,517
<i>In which:</i>					
Pledged as loan security (Note 15)	8,100,691,818	-	655,429,712,979	-	663,530,404,797

9. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	Ending balance	Beginning balance
VND		
Overhaul expenses	10,194,518,595	2,136,630,000
Office building construction	522,328,144	-
TOTAL	10,716,846,739	2,136,630,000

10. INVESTMENT IN OTHER ENTITIES

VND

Name	Ending balance			Beginning balance		
	Cost	Provision	Net	Cost	Provision	Net
Nam Viet Saigon Petrol Joint Stock Company	4,000,000,000	(650,400,000)	3,349,600,000	4,000,000,000	-	4,000,000,000
Petec Logistic Joint Stock Company	2,700,000,000	(2,700,000,000)	-	2,700,000,000	(2,700,000,000)	-
Petec Trading and Investment Corporation	2,120,000,000	(1,379,344,050)	740,655,950	2,120,000,000	(1,215,184,000)	904,816,000
Petec Coffee Joint Stock Company	745,000,000	(70,330,450)	674,669,550	745,000,000	(278,704,500)	466,295,500
PetroVietnam Oil Nam Dinh Joint Stock Company	309,000,000	-	309,000,000	-	-	-
Petec Petroleum Material Joint Stock Company	-	-	-	309,000,000	(174,494,118)	134,505,882
TOTAL	9,874,000,000	(4,800,074,500)	5,073,925,500	9,874,000,000	(4,368,382,618)	5,505,617,382

Details of provision for long-term investments are as follows:

VND

	Current year	Previous year
Beginning balance	5,073,903,991	4,997,820,045
Provision created during the year	887,387,164	3,976,083,946
Utilisation and reversal of provision during the year	(1,161,216,655)	(3,900,000,000)
Ending balance	4,800,074,500	5,073,903,991

11. PREPAID EXPENSES

	Ending balance	Beginning balance
VND		
Short-term		
Insurance fees	2,088,724,376	2,247,986,517
Long-term		
Overhauling costs	18,689,732,225	21,100,218,328
TOTAL	20,778,456,601	23,348,204,845

12. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Ending balance	Beginning balance
VND		
Vietnam Petro Paint Joint Stock Company	2,552,948,000	71,318,000
Vosco Trading and Service Joint Stock Company	2,526,848,060	2,575,909,827
Han Viet Trading Technology Service Limited Liability Company	2,407,844,748	1,582,168,431
Standard Maritime Pte Ltd,	1,416,763,638	4,991,210,251
Other suppliers	14,855,785,548	16,146,430,885
TOTAL	23,760,189,994	25,367,037,394

13. STATUTORY OBLIGATIONS

	Beginning balance	Increase	Payment	Other decrease	Ending balance
VND					
Corporate income tax (Note 21)	1,478,868,343	36,470,151,546	(28,136,927,268)	(1,026,572,433)	8,785,520,188
Personal income tax	492,635,880	3,703,521,095	(3,020,660,673)	-	1,175,496,302
TOTAL	1,971,504,223	40,173,672,641	(31,157,587,941)	(1,026,572,433)	9,961,016,490

14. OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	Ending balance	Beginning balance
VND		
Commission fees payable	2,104,759,777	2,741,765,528
Dividends payable	1,648,692,507	1,498,235,547
Bond interest payable	-	685,388,890
Others	1,363,530,768	361,327,515
TOTAL	5,116,983,052	5,286,717,480

15. LOANS

VND

	Beginning balance	Increase	Increase	Impact of exchange rate fluctuation	Ending balance
Short-term	100,321,463,269	188,147,532,843	(203,991,001,865)	79,521,456	84,557,515,703
Short-term loans from banks (Note 15.1)	54,149,042,133	132,895,245,811	(150,792,340,729)	79,521,456	36,331,468,671
Current portion of long-term loans (Note 15.2)	31,572,421,136	55,252,287,032	(38,598,661,136)	-	48,226,047,032
Current portion of convertible bonds	14,600,000,000	-	(14,600,000,000)	-	-
Long-term	290,533,693,721	175,656,000,000	(158,266,512,078)	10,020,970,825	317,944,152,468
Long-term loans from banks (Note 15.2)	290,533,693,721	175,656,000,000	(158,266,512,078)	10,020,970,825	317,944,152,468
TOTAL	390,855,156,990	363,803,532,843	(362,257,513,943)	10,100,492,281	402,501,668,171

15.1 Short-term loans from banks

Details of short-term loans from banks are as follows:

VND

Banks	Ending balance		Maturity date	Interest rate %p.a.	Collateral (Note 8)
	VND	USD			
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – District 5 Branch	23,621,745,071	1,048,970	From 18 June 2016 to 29 June 2016	1.7	Unsecured
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – District 5 Branch	12,709,723,600	564,400	From 6 January 2016 to 27 January 2016	2.0	Office Building (Note 8)
TOTAL	36,331,468,671	1,613,370			

The Company obtained these loans for the purpose of financing its working capital requirements.

15.2 Long-term loans from banks

Details of long-term loans from banks are as follows:

VND

Banks	Ending balance		Maturity date	Interest rate	Collateral (Note 8)
	VND	USD			
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – District 5 Branch	180,208,297,500	8,002,500	Repayment in 7 yearly instalments, from 18 July 2015 to 18 July 2021	Floating rate	Vessels
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – District 5 Branch	168,622,272,000	7,488,000	Repayment in 25 quarterly instalments, from 18 December 2015 to 16 December 2021	Floating rate	Vessels
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank	17,339,630,000	770,000	Repayment in 23 quarterly instalments, from April 2013 to October 2018	Floating rate	Vessels
TOTAL	366,170,199,500	16,260,500			
<i>In which:</i>					
Current portion	48,226,047,032	2,141,571			
Non-current portion	317,944,152,468	14,118,929			

The Company obtained these loans for the purpose of purchase of fixed assets.

16. OWNERS' EQUITY

16.1 Increase and decrease in owners' equity

VND

	Share capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development fund	Undistributed earnings	Total
Previous year						
Beginning balance	253,779,820,000	254,725,820,000	(3,568,600,000)	42,665,248,079	54,362,608,186	601,964,896,265
Conversion of convertible bonds	58,400,000,000	-	-	-	-	58,400,000,000
Re-purchase of shares	-	-	(1,604,251,000)	-	-	(1,604,251,000)
Net profit for the year	-	-	-	-	45,037,732,570	45,037,732,570
Profit appropriation	-	-	-	3,603,018,606	(3,603,018,606)	-
Transfer to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(3,152,641,280)	(3,152,641,280)
Dividends declared	-	-	-	-	(30,016,640,400)	(30,016,640,400)
Allowances for the Board of Directors and Board of Supervision	-	-	-	-	(4,899,850,933)	(4,899,850,933)
Ending balance	312,179,820,000	254,725,820,000	(5,172,851,000)	46,268,266,685	57,728,189,537	665,729,245,222
Current year						
Beginning balance	312,179,820,000	254,725,820,000	(5,172,851,000)	46,268,266,685	57,728,189,537	665,729,245,222
Conversion of convertible bonds (*)	14,600,000,000	-	-	-	-	14,600,000,000
Re-purchase of shares (**)	-	-	(23,248,479,700)	-	-	(23,248,479,700)
Net profit for the year	-	-	-	-	115,157,560,121	115,157,560,121
Profit appropriation	-	-	-	9,212,604,810	(9,212,604,810)	-
Transfer to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(8,061,029,208)	(8,061,029,208)
Dividends declared	-	-	-	-	(31,438,026,000)	(31,438,026,000)
Allowances for the Board of Directors and Board of Supervision	-	-	-	-	(3,718,171,657)	(3,718,171,657)
Ending balance	326,779,820,000	254,725,820,000	(28,421,330,700)	55,480,871,495	120,455,917,983	729,021,098,778

(*) On 12 January 2015 and 31 July 2015, Saigon Transportation and Petroleum Investment Joint Stock Company ("bondholder") exercised its right to convert 20% of the remaining issued bonds or 14,600 bonds, into 1,460,000 shares, at the conversion price of VND 10,000 per share.

(**) On 2 November 2015, the Company has completed re-purchase of 1,879,719 shares which were previously issued to existing shareholders.

16. OWNERS' EQUITY (continued)

16.2 Capital transactions with shareholders and distribution of dividends

	VND	
	Current year	Previous year
Contributed share capital		
Beginning balance	312,179,820,000	253,779,820,000
Conversion of bonds into shares	14,600,000,000	58,400,000,000
Ending balance	326,779,820,000	312,179,820,000
Dividends		
Dividends declared	31,438,026,000	30,016,640,400
Dividends paid	31,287,569,040	29,655,821,789

16.3 Shares

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
	(Shares)	(Shares)
Shares authorised to be issued	32,677,982	31,217,982
Shares issued and fully paid		
Ordinary shares	32,677,982	31,217,982
Treasury shares		
Ordinary shares	(2,389,675)	(509,956)
Shares in circulation		
Ordinary shares	30,288,307	30,708,026

17. FINANCE INCOME

	VND	
	Current year	Previous year
Interest income	3,914,027,802	3,705,657,287
Foreign exchange gains	1,667,734,575	471,656,990
Gain from disposal of investments	-	24,279,468,274
Dividend income	-	2,665,300,000
TOTAL	5,581,762,377	31,122,082,551

18. FINANCE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Interest expense	15,609,181,461	21,836,091,971
Foreign exchange losses	11,556,647,133	3,105,209,734
Provision for diminution in value of investments	446,853,546	3,346,312,306
TOTAL	27,612,682,140	28,287,614,011

19. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Selling expenses	13,083,162,621	13,907,786,874
Commission fee	13,083,162,621	13,907,786,874
General and administrative expenses	34,762,115,597	29,757,997,147
Labour costs	21,508,456,603	17,630,135,823
Expenses for external services	5,081,584,559	6,116,754,018
Depreciation	1,008,830,877	1,036,606,814
Other expenses	7,163,243,558	4,974,500,492
TOTAL	47,845,278,218	43,665,784,021

20. PRODUCTION AND OPERATING COSTS

	VND	
	Current year	Previous year
Raw materials	155,824,278,940	231,977,621,325
External services	171,399,680,265	174,311,989,921
Depreciation	129,396,311,094	111,590,635,653
Labour costs	57,814,843,206	47,963,381,414
Others	8,784,624,214	4,974,500,492
TOTAL	523,219,737,719	570,818,128,805

21. CORPORATE INCOME TAX

The Company has the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 22% of taxable profits.

21.1 CIT expense

	VND	
	Current year	Previous year
Current tax expense	34,226,790,746	12,249,549,143
Adjustment for under-accrual of CIT from previous years	2,243,360,800	-
TOTAL	36,470,151,546	12,249,549,143

21.2 Current tax

The current tax payable is based on taxable profit for the current year. The taxable profit of the Company for the year differs from the profit as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Company's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

A reconciliation between the accounting profit before tax as reported in the income statement and taxable profit is presented below:

	VND	
	Current year	Previous year
Accounting profit before tax	151,627,711,667	57,287,281,713
Non-deductible expenses	3,948,609,904	1,057,787,120
Dividend income	-	(2,665,300,000)
Estimated current taxable profit	155,576,321,571	55,679,768,833
Estimated current CIT	34,226,790,746	12,249,549,143
CIT payable at beginning of year	1,478,868,343	4,618,702,485
Adjustment for under-accrual of CIT from prior years	2,243,360,800	-
CIT paid during the year	(28,136,927,268)	(15,389,383,285)
Other decrease	(1,026,572,433)	-
CIT payable at end of year	8,785,520,188	1,478,868,343

22. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTY

Remuneration to members of the Board of Directors and Board of Supervision is as :

	VND	
	Current year	Previous year
Salaries and bonus	3,718,171,657	4,899,850,933

23. OFF BALANCE SHEET ITEMS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Bad debts written off - VND	3,065,333,335	3,065,333,335
Foreign currency - United States dollar - USD	626,884	368.885

24. EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share are calculated as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Net profit after tax	115,157,560,121	45,037,732,570
Bonus and welfare fund	(8,061,029,208)	(3,152,641,280)
Net profit after tax attributable to ordinary equity holders for basic earnings (VND)	107,096,530,913	41,885,091,290
Weighted average number of ordinary shares for basic earnings per share (shares)	31,425,330	26,088,026
Basic earnings per share (VND)	3,408	1,606

Diluted earnings per share are calculated as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Net profit attributable to ordinary equity holders of the parent for basic earnings (VND)	107,096,530,913	41,885,091,290
Interest on convertible bonds (VND)	-	1,138,800,000
Net profit attributable to ordinary equity holders of the parent adjusted for the effect of dilution (VND)	107,096,530,913	43,023,891,290
Weighted average number of ordinary shares for basic earnings per share (shares)	31,425,330	26,088,026
Number of ordinary shares from convertible bonds (shares)	-	1,460,000
Weighted average number of ordinary shares adjusted for the effect of dilution (shares)	31,425,330	27,548,026
Diluted earnings per share (VND)	3,408	1,562

25. SEGMENT INFORMATION

A segment is a component determined separately by the Company which is engaged in providing related services (business segment) or providing services in a particular economic environment (geographical segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments.

The Company's principal activities are in transportation service. The Company's risks and returns are not impacted by the Company's services that the Company is providing or the locations where the Company is trading. As a result, the Company's management is of the view that there is only one segment for business and geography and therefore presentation of segmental information is not required.

26. CORRESPONDING FIGURES

Certain corresponding figures on the financial statements for the year ended 31 December 2014 have been reclassified to reflect the presentation of the current year's financial statements in accordance with Circular 200. Details are as follows:

	VND	
	31 December 2014 (previously presented)	31 December 2014 (reclassified)
BALANCE SHEET		
Fixed assets	868,851,741,557	(2,136,630,000) 866,715,111,557
Long-term asset in progress	-	2,136,630,000 2,136,630,000
Financial reverse fund	25,908,074,021	(25,908,074,021) -
Investment and development fund	20,360,192,664	25,908,074,021 46,268,266,685
Other short-term receivables	782,863,221	31,590,000 814,453,221
Other current assets	31,590,000	(31,590,000) -
Other long-term receivables	-	4,605,000,000 4,605,000,000
Other long-term assets	4,605,000,000	(4,605,000,000) -
CASH FLOW		
Increase in receivables	(4,093,895,393)	258,410,000 (3,835,485,393)
Other cash inflows from operating activities	258,410,000	(258,410,000) -

27. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

There is no matter or circumstance that has arisen since the balance sheet date that requires adjustment or disclosure in the financial statements of the Company.



LE HAI ANH
Preparer

10 March 2016



HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải tại website: www.aulac.com.vn



AULAC⁷
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

[📍]: 159 Trương Văn Bang, P. Thạnh Mỹ Lợi,
Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

[☎]: (84-8) 6258 9922

[☎]: (84-8) 6258 9933

[✉]: aulac-asc@aulac.com.vn

[🌐]: www.aulac.com.vn